

DANH MỤC HOÁ CHẤT, VẬT TƯ Y TẾ NĂM 2025

Kèm theo yêu cầu báo giá số: 1007 /BVAG-VTTBYT ngày 14/08/2024

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T-T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	SP1	N07.01.500	Phim khô Laser 35 x 43cm	- Phim khô laser kiểu DI-HL(hoặc tương đương), - Kích thước 35x43 cm. - Tương thích với máy in phim khô laser Fuji Drypix series	cái	50.000
2	SP2	N07.01.500	Phim khô Laser 25x30 cm	- Phim khô laser kiểu DI-HL, kích thước 25x30 cm. - Kích thước: 25 x 30cm - Tương thích với máy in phim khô laser Fuji Drypix series	cái	65.000
3	SP3	N07.01.500	Phim X-quang 25 x 30cm	- Phim X-quang KTS Drystar DT5.000IB (Hoặc tương đương) - Phim khô - Phim phù hợp với các dòng máy in Agfa - Chứng nhận lưu hành (FSC): Châu Âu, Úc - Chứng nhận ISO 13485, CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	40.000
4	SP4	N07.01.500	Phim X-quang 35 x 43cm	- Phim X-quang KTS Drystar DT5.000IB (Hoặc tương đương) - Phim khô - Phim phù hợp với các dòng máy in Agfa - Chứng nhận lưu hành (FSC): Châu Âu, Úc - Chứng nhận ISO 13485, CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	25.000
5	SP5	N07.01.500	Phim chụp laser 25x30cm(10x12IN)	- Công nghệ in khô, laser. - Sử dụng tương thích với máy in phim hãng Carestream.	cái	60.000
6	SP6	N07.01.500	Phim chụp laser 35x43CM (14x17IN)	- Công nghệ in khô, laser. - Sử dụng tương thích với máy in phim hãng Carestream.	cái	35.000
7	SP7	N04.03.100	Dây nối máy bơm tiêm 75cm	- Chất liệu: Dây dài 75cm ID 2,9mm - OD 3,9mm, được làm từ vật liệu nhựa y tế trong suốt 2 đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. - Dây chống xoắn, Không có chất DEHP. - Sản phẩm được tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	14.000
8	SP8	N07.01.220	Bơm tiêm thuốc cân quang 2 nòng 200ml dùng 1 lần	- Xi lanh loại 2 nòng. Bộ gồm 02 xi lanh, 01 dây bơm thuốc chữ Y hoặc T, 2 ống lấy thuốc. - Dùng bơm thuốc cân quang/cân từ khi chụp CT/DNA/MRI.	Cái	170
9	SP9	N07.01.220	Bơm tiêm thuốc cân quang 1 nòng 100ml dùng 1 lần	- Xi lanh loại 1 nòng. Bộ gồm 01 xi lanh, 01 dây bơm thuốc, 1 ống lấy thuốc. - Dùng bơm thuốc cân quang/cân từ khi chụp CT/DNA/MRI.	Cái	170
10	SP10	N03.05.060	Khóa ba ngã có dây dài 25cm	- Khoá ba ngã có dây dài 25cm. - Chống nứt gãy & chịu được áp lực ≥ 4bar. Thời gian sử dụng 96h. - Không có chất DEHP. Vật liệu polyamide (hoặc tương đương). - Đạt tiêu chuẩn: EC, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	26.000
11	SP11		Giấy in kết quả siêu âm 110mm x 20m	- Kích thước 110mm x 20m. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	360
12	SP12		Bột băng nha chu	- Dễ tạo dạng - Không có Eugenol - Đông nhanh trong 60 giây - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	3
13	SP13		Chổi đánh bóng	- Chổi làm bằng sợi cước y tế dẻo và cứng cáp - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	13
14	SP14		Cọ bôi keo trám đèn	- Cọ bôi keo trám đèn - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	1.800

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
15	SP15		Cole giấy 20,25,30,35	- Cole giấy 20-35 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	13
16	SP16		Cole gutta đủ số	- Cole gutta đủ số - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	280
17	SP17		Cole phụ B, C	- Cole phụ B, C - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	20
18	SP18		Cung Inox cố định hàm	- Cung Inox cố định hàm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cặp	600
19	SP19		Đài cao su	- Đài cao su - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	67
20	SP20	N07.06.050	Đai cellulô	- Đai cellulô - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	2.300
21	SP21	N07.06.050	Đai kim loại (Đai Matrix)	- Đai kim loại (Đai Matrix). Gói: 12 sợi - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	150
22	SP22		Dầu vô tay khoan	- Dầu vô tay khoan - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	13
23	SP23		Giấy cắn nha khoa	- Giấy cắn nha khoa - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	15
24	SP24		Giấy nhám kê (mịn)	- Giấy nhám kê (mịn) - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	20
25	SP25		Keo trám răng trong nha khoa	- Keo trám răng trong nha khoa - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE/FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	23
26	SP26		Len đủ số	- Len đủ số - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	70
27	SP27		Lentulo dài 21mm	- Kích thước dài 21mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	50
28	SP28		Lentulo dài 25mm (Số 30)	- Dài 25mm (Số 30) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	50
29	SP29		Ngáng miệng dùng trong nội soi	- Ngáng miệng có dây choàng - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	230
30	SP30		Reamer các số từ số 08 đến 50	- Reamer các số từ số 08 đến 50 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	1.400
31	SP31		Sò đánh bóng	- Sò đánh bóng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Con	230
32	SP32		Super snap	- Super snap - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	230
33	SP33		Trâm dũa ống tủy Reamer (đủ số)	- Trâm dũa ống tủy Reamer (đủ số) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	350
34	SP34		Trâm gai vàng	- Dùng làm sạch sợi tủy; gai đàn hồi tốt, sắc bén, an toàn - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cây	15
35	SP35		Fuji 9 các màu A3 + A3,5	- Fuji 9 các màu A3 + A3,5 - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	50
36	SP36		Bay trám Composite không dính	- Bay trám Composite không dính, các cỡ - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cây	25
37	SP37		Bay trộn Alginate	- Bay trộn Alginate, các cỡ - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cây	15
38	SP38		Bộ tay khoan Low speed	- Bộ tay khoan Low speed - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	20

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
39	SP39		Bộ tiêu phẫu (07 khoản)	- Bộ tiêu phẫu 07 khoản - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	13
40	SP40		Cán gương nha	- Cán gương nha cầu lõm lớn hơn vật. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	120
41	SP41		Cây bóc tách nướu	- Cây bóc tách nướu - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	25
42	SP42		Chén Inox 06cm	- Chén Inox 06cm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	230
43	SP43		Hộp đựng gòn có nắp 10 x 8cm	- Hộp đựng gòn có nắp 10x8cm - Chất liệu: Inox - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	60
44	SP44		Kim nhổ răng đa năng 150mm	- Kim nhổ răng đa năng 150mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	25
45	SP45		Mâm Inox chữ nhật 35x50cm inox 304	- Mâm Inox chữ nhật 35x50cm inox 304 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	60
46	SP46		Mặt gương nha	- Mặt gương nha - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	350
47	SP47		Mũi cạo vôi	- Mũi cạo vôi - Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	25
48	SP48		Mũi cắt cầu kim loại	- Mũi cắt cầu kim loại - Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Mũi	35
49	SP49		Mũi đánh bóng Composite	- Mũi đánh bóng Composite các cỡ - Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	25
50	SP50		Mũi Endoz (Mũi mở tủy tránh thùng sần)	- Mũi Endoz (hoặc tương đương). - Quy cách: 1 mũi - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	15
51	SP51		Mũi high 557 (Mũi khoan nha)	- Mũi high 557. - Quy cách: 1 mũi - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	15
52	SP52		Mũi high tròn 1/2	- Mũi high tròn 1/2. - Quy cách: 1 mũi - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	60
53	SP53	N08.00.330	Mũi khoan 2.7mm/3.2mm/3.5mm	- Mũi khoan kích cỡ: 2.7mm/3.2mm/3.5mm. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	25
54	SP54	N08.00.330	Mũi khoan kim cương high tròn đủ cỡ, hình búp lửa	- Mũi khoan kim cương high tròn đủ cỡ, hình búp lửa - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	880
55	SP55	N08.00.330	Mũi khoan low speed tròn	- Mũi khoan low speed tròn - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	380
56	SP56	N08.00.330	Mũi khoan Mini 14mm	- Mũi khoan Mini 14mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	150
57	SP57	N08.00.330	Mũi khoan low speed HP4	- Mũi khoan low speed - Vĩ 5 mũi - Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	35
58	SP58	N08.00.330	Mũi khoan trụ low speed	- Mũi khoan trụ low speed HP 702 hoặc tương đương - Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	35
59	SP59	N08.00.330	Mũi khoan tungsten high 1, 2, 3, 4, 5	- Mũi khoan tungsten high 1, 2, 3, 4, 5 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	35

TR
BÊN
ĐA
TRU
AN

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
60	SP60		Mũi trụ thô (kim cương)	- Mũi trụ thô (kim cương) - Vĩ 5 mũi. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	35
61	SP61		Nạo ổ răng cán nhỏ	- Nạo ổ răng cán nhỏ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	35
62	SP62		Nạy chóp	- Nạy chóp. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	18
63	SP63		Nạy thẳng các số	- Nạy thẳng các số. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	35
64	SP64		Nạy thẳng trung	- Nạy thẳng trung. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	cái	35
65	SP65		Nhíp nha khoa	- Nhíp nha khoa - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	60
66	SP66		Ống chích nha	- Ống chích nha - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	60
67	SP67		Ống tiêm nha khoa inox	- Ống tiêm nha khoa inox - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cây	60
68	SP68		Tay khoan High speed	- Tay khoan High speed - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	20
69	SP69		Thám trám	- Thám trám - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	60
70	SP70		Acid etching	- Thành phần: 37% Phosphoric Acid Etchant; - Qui cách: Chai / 5 ml. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	20
71	SP71		Composit lỏng	- Composit lỏng; Đóng rắn sáng, không ăn mòn, độ bám dính cao. - Qui cách: Tuýp 1,5g (Tube 1,5g). - Tiêu chuẩn: FDA/CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tuýp	20
72	SP72		Costisomol	- Thành phần: Prednisolone acetate 1,1% Diiodothymol Kẽm oxit Bari sunfat. - Qui cách: Chai 25g. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	3
73	SP73		Endomethason (Cortisomol)	- Thành phần: Hydrcoctison acetate và Paraformaldehyde. - Qui cách: Hộp 14g. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	3
74	SP74		Eugenol	- Dung dịch Eugenol - Qui cách: Lọ 30ml. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	lọ	15
75	SP75		Thuốc diệt tủy răng	- Thành phần: Anhydrit Arsenic, Cocain HyDroclorid, Phenol. - Quy cách: lọ 13ml. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	18
76	SP76	N02.01.010	Băng bột bó 10cm x 2,7m	- Thời gian đóng kết: 2- 4 phút. - Gạc: cotton. - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất 97% - Kích thước: 10cm x 2,7m (4 inch) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	6.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
77	SP77	N02.01.010	Băng bột bó 15cm x 2,7m	- Thời gian đông kết: 2- 4 phút - Gạc: cotton. - Chất liệu: Thạch cao nguyên chất 97% - Kích thước: 15cm x 2,7m (6 inch) - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	12.000
78	SP78	N02.01.010	Băng bột bó thủy tinh, cuộn 3 inch	- Băng bó bột bằng sợi thủy tinh - Chịu lực được sau 20 phút bột khô - Kích thước: 7,5cm x 3,6m (3 inch). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	350
79	SP79	N02.01.010	Băng bột bó thủy tinh, cuộn 4 inch	- Băng bó bột bằng sợi thủy tinh - Chịu lực được sau 20 phút bột khô - Kích thước: 10cm x 3,6m (4 inch). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	500
80	SP80	N02.01.010	Băng bột bó thủy tinh, cuộn 5 inch	- Băng bó bột bằng sợi thủy tinh - Chịu lực được sau 20 phút bột khô - Kích thước: 12,5cm x 3,6m (5 inch). - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	1.000
81	SP81	N02.01.040	Băng cuộn dệt từ sợi 100% cotton	- Băng cuộn dệt từ sợi 100% cotton - Kích thước: 9cm x 2,5m - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	28.000
82	SP82	N08.00.010	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng 75mm mô mờ	- Ghim khâu (băng đạn) 75mm của dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mờ 75mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 1,5-2,0mm, 118 ghim dạng 3-D làm bằng Titanium Alloy với 6 hàng ghim, dùng cho dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mờ 75 mm.	Cái	50
83	SP83	N08.00.010	Băng đạn của dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi đa năng 60mm	- Băng đạn (ghim khâu) các cỡ gồm 88 ghim làm bằng hợp kim titan (Ti3Al2.5V) với công nghệ giữ mô bề mặt (GST), có 6 hàng ghim, chiều cao ghim đóng các cỡ gồm: 1,0mm, 1,5mm, 1,8mm, 2,0mm, dùng kèm với dụng cụ Echelon Flex 60mm gấp góc.	Cái	70
84	SP84	N08.00.010	Băng đạn nội soi nghiêng, dài 45mm, ghim 3.5; dài 60mm, ghim 3.5	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: dài 60mm, chiều cao ghim 3.0- 4.0mm- thiết kế thanh chữ i - Đặc tính kỹ thuật: - Băng ghim nội soi có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Chiều cao ghim khi đóng: 1.25mm; 1.5mm; 1.75mm. Các hàng ghim bấm titanium so le giúp máu lưu thông nuôi mô phát triển. Sau khi lắp vào tay súng có khả năng xoay liên tục 1 vòng 360*. - Tương thích tay súng 5 điểm gấp góc mỗi bên và 1 điểm ở giữa, gấp góc 45 độ mỗi bên. Tương thích với súng dùng nhiều lần cùng hãng - Thanh đe cố định - Ghim đóng hình chữ B chuẩn, khoảng đóng mô mục tiêu 1.5mm - 2.25mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	133
85	SP85	N07.04.050	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng, đa kích cỡ	- Dụng cụ khâu cắt nối nội soi các cỡ. - Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: Sau khi lắp băng ghim tương thích có khả năng gấp góc tổng 90 độ 2 bên, gấp góc 45 độ mỗi bên với 5 điểm gấp góc mỗi bên và một điểm ở giữa. Trục dài 16cm - Đặc tính kỹ thuật: Dụng cụ cắt khâu nối nội soi đa năng, tích hợp với tất cả các loại băng ghim cắt khâu nối nội soi. các loại, các cỡ, Công nghệ TRI-STAPLER (hoặc tương đương) - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	18
86	SP86	N07.04.050	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mờ	- Dụng cụ khâu cắt nối thẳng mô mờ 75mm, chiều cao ghim đóng điều chỉnh được 3 mức 1,5-1,8-2,0mm, phù hợp với các loại mô, gồm 118 ghim làm bằng Titanium Alloy (hoặc chất liệu tương đương) với công nghệ 6 hàng ghim 3D	Bộ	7

NH
 H V
 KH
 NG T
 GI
 AN

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	DVT	Số lượng
87	SP87	N07.04.050	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm tự động	- Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi 60mm tự động (EC60A) hoặc tương đương - Dụng cụ khâu cắt nối thẳng nội soi gấp góc Echelon Flex 60mm, đường kính cán 12mm, chiều dài cán 34cm, gấp góc mỗi bên 45 độ, hàm đe bằng thép đúc không gỉ, lưỡi dao hình chữ C làm bằng thép mác 400 không gỉ, công nghệ 3 điểm tiếp xúc, độ mở hàm 22mm	Bộ	6
88	SP88	N08.00.010	Băng ghim mổ hở ba hàng ghim, dài 80mm ghim 3.5mm	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: chiều cao ghim từ trong ra ngoài 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, băng ghim màu tím, chiều dài thân dụng cụ 80mm. - Đặc tính kỹ thuật: Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ hở, công nghệ ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, chiều dài thân dụng cụ 80mm. - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	130
89	SP89	N08.00.010	Băng đạn nội soi nghiêng, dài 45mm, ghim 3.5	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: dài 45mm, chiều cao ghim 3.0mm- 3.5mm- 4.0mm- Thiết kế thanh chữ i - Đặc tính kỹ thuật: - Băng ghim nội soi có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau mỗi bên, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Chiều cao ghim khi đóng: 1.25mm; 1.5mm; 1.75mm. Các hàng ghim bấm titanium so le giúp máu lưu thông nuôi mô phát triển. Sau khi lắp vào tay súng có khả năng xoay liên tục 1 vòng 360*. - Tương thích tay súng 5 điểm gấp góc mỗi bên và 1 điểm ở giữa, gấp góc 45 độ mỗi bên. Tương thích với súng pin dùng nhiều lần cùng hãng - Thanh đe cố định - Ghim đóng hình chữ B chuẩn, khoảng đóng mô mục tiêu 1.5mm - 2.25mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	30
90	SP90	N05.02.020	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc số 3-0	Chỉ tiêu có gai không cần buộc Copolymer của acid glycolic và trimethylene carbonate, gai đầu tù, một đầu có vòng, số 3/0, dài 15cm, màu xanh lá. Kim tròn đầu nhọn công nghệ Nucoat V20, 1/2C, dài 26mm, giữ vết thương 21 ngày, tiêu hoàn toàn 180 ngày.	Tép	130
91	SP91	N05.02.020	Chỉ tan đơn sợi có gai	Chỉ tiêu có gai không cần buộc Copolymer của acid glycolic và trimethylene carbonate, gai đầu tù, một đầu có vòng, số 3/0, dài 30cm, màu xanh lá. Kim Surgalloy tròn đầu nhọn, 1/2C, dài 26mm, giữ vết thương 21 ngày, tiêu hoàn toàn 180 ngày.	Tép	30
92	SP92	N04.04.010	Catheter dẫn lưu qua da các cỡ	- Chất liệu bằng thermoplastic polyurethane (TPU) hoặc tương đương, được phủ 1 lớp ái nước, cân quang - Có khóa string lock, cố định độ cong của catheter bằng dây - Đường kính 8Fr - 16Fr, dài 30 cm - Số lượng lỗ trên ống ≥ 4 , kích thước lỗ > 2 mm - Chiều dài đầu cong 5 - 10cm - Thiết kế phần đầu có thể uốn cong, có đánh dấu chiều dài trên thân ống, tương thích dây dẫn đường tối thiểu 0.89mm - Các bộ phận khác đi kèm: kim chọc, trocar, bộ dẫn thẳng - Tiệt khuẩn - Tiêu chuẩn ISO/tiêu chuẩn Châu Âu (CE) (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	310
93	SP93	N03.07.060	Túi chứa dịch dẫn lưu	- Mô tả: gồm 01 túi dùng chứa dịch - Kích cỡ: 800ml - Chất liệu: PVC - Tiệt trùng	cái	200

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
94	SP94	N06.05.020	Lưới điều trị thoát vị kích thước 5x10cm	- Chất liệu: Sợi Monofilament Polypropylene. - độ dày 0,5mm chịu được áp lực và kháng lực cao. - Kích thước lỗ: 1.2*0.9 mm - Trọng lượng: 57 g/m2 - Độ bền (Lực căng đứt): 750.0 kPa, Độ bền kéo thẳng (lực căng kéo thẳng) : Dọc 275N; Ngang 250N không dính, trong suốt, mềm mại, chắc chắn.	Cái	120
95	SP95	N06.05.020	Lưới điều trị thoát vị 15x15cm,	- Lưới điều trị thoát vị PROLENE soft mesh 15x15cm, SPMH (hoặc tương đương) - Chất liệu: Sợi Monofilament Polypropylene, - độ dày 0,5mm chịu được áp lực và kháng lực cao. - Kích thước lỗ: 1.2*0.9 mm - Trọng lượng: 57 g/m2 - Độ bền (Lực căng đứt): 750.0 kPa, Độ bền kéo thẳng (lực căng kéo thẳng) : Dọc 275N; Ngang 250N không dính, trong suốt, mềm mại, chắc chắn.	Cái	20
96	SP96	N06.05.020	Mảnh ghép Polypropylene 15x15cm	- Chất liệu: Polypropylene 100% không tiêu, kích cỡ 15cmx15cm; 70g/m2, độ dày 0.56 mm, kích thước lỗ 1.2x1.4 mm, chịu được áp lực và kháng lực cao, không dính, trong suốt, mềm mại. - Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	20
97	SP97	N06.05.020	Mảnh ghép Polypropylene 10x15cm.	- Chất liệu: Polypropylene 100% không tiêu, kích cỡ 10cmx15cm; 70g/m2, độ dày 0.56 mm, kích thước lỗ 1.2x1.4 mm, chịu được áp lực và kháng lực cao, không dính, trong suốt, mềm mại. - Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	180
98	SP98	N06.05.020	Mảnh ghép Polypropylene kích thước 5x10cm	Chất liệu: Polypropylene 100% không tiêu, kích cỡ 5cmx10cm, trọng lượng: 70g/m2, độ dày 0.56 mm, kích thước lỗ 1.2x1.4 mm, chịu được áp lực và kháng lực cao, không dính, trong suốt, mềm mại. Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	150
99	SP99	N07.04.070	Tấm nâng, màng nâng, lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật . Kích thước 15cm x 10cm	- Tấm ghép thoát vị thành bụng 2 lớp, mềm xốp dễ thao tác, chất liệu Polyester thân nước, một mặt là màng Collagen chống dính, thiết kế mũi dẹt X cải tiến, có dính chỉ sẵn. - Kích thước lỗ lưới lớn 4.8x2.0mm. - Kích thước 15cm x 10cm hình chữ nhật - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	12
100	SP100	N07.04.070	Tấm nâng, màng nâng, lưới dùng trong điều trị và phẫu thuật. Kích thước 30cm x 20cm	- Tấm ghép thoát vị thành bụng 2 lớp, mềm xốp dễ thao tác, chất liệu thân nước, một mặt là màng Collagen chống dính, thiết kế mũi dẹt X cải tiến, có dính chỉ sẵn. - Kích thước lỗ lưới lớn 4.8x2.0mm. - Kích thước 30cm x 20cm hình chữ nhật - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	6
101	SP101	N02.03.030	Băng keo có gạc vô trùng 150 x 90mm	- Băng dính vô trùng - Có gạc thấm hút mạnh, - Kích thước: 150 x 90 mm. - Qui cách: 25 miếng/ hộp. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	4.600
102	SP102	N02.01.020	Băng thun 3 móc 10cm x 4,5m	- Sản phẩm được làm từ sợi cotton hoặc polyester kết hợp với sợi cao su tự nhiên. - Có móc cài bằng nhôm hoặc thép không gỉ để cố định băng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	30.000
103	SP103	N01.01.010	Bông y tế không thấm nước gói 1 kg	- Nguyên liệu: 100% bông xơ thiên nhiên, Không thấm nước, có dạng dài được quấn thành khối hình trụ. Quy cách: 1kg/gói - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Kg	270

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
104	SP104	N02.03.020	Gạc dẫn lưu (0,75cm x 200cm x 4 lớp)	- Gạc được làm từ vải không dệt dùng hút dịch, máu trong và sau sau khi mổ - Kích thước: 0,75cm x 200cm x 4 lớp - Tiệt trùng. - Quy cách: 1 cái/gói. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	27.000
105	SP105	N02.03.020	Gạc phẫu thuật ổ bụng, 6 lớp, tiệt trùng (30cm x 40cm)	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, tốc độ thấm hút ≤8s. - Quy cách: Gạc 30 x40cm, 6 lớp cân quang, tiệt trùng, 5 miếng/gói - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016(hoặc tương đương)	Miếng	220.000
106	SP106	N02.03.020	Gói gạc mổ nội soi	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, tốc độ thấm hút ≤8s. - Kích thước: Gạc 2x30cmx6 lớp, cân quang, tiệt trùng, 5 miếng/gói - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	7.000
107	SP107	N01.01.010	Gói gòn viên	- Bông xơ tự nhiên 100%, tốc độ thấm hút ≤ 8s. - Tiệt trùng - Trọng lượng gòn: 8,4 gram/ gói - Tiêu chuẩn:ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	7.000
108	SP108	N01.01.010	Gòn chèn FAV chạy thận nhân tạo	- Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, tốc độ thấm hút ≤ 8s . - Kích thước: Gòn se chặt, cuộn tròn dài 2,5cm, đường kính 2cm, 10 viên/gói - Trọng lượng : 20 gram/gói, tiệt trùng . - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	24.000
109	SP109	N02.03.020	Gạc lót gòn: 20 cmx10cmx 1 miếng + 10 viên gòn	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, Bông: 100% bông xơ tự nhiên, tốc độ thấm hút ≤ 8s. - Kích thước: Miếng gạc lót gòn 20cm x 10cm, (1 miếng gạc lót gòn + 10 viên gòn)/gói, tiệt trùng. - Trọng lượng: 7,8 gram gòn + 1,2 gram gạc = 9 gram. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	200.000
110	SP110	N02.03.020	Gạc lót gòn: 20 cmx10cmx2 miếng	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, Bông: 100% bông xơ tự nhiên, tốc độ thấm hút ≤ 8s, tiệt trùng. - Kích thước: Gạc lót gòn 20cm x10cm, 2 miếng/gói. - Trọng lượng: 9,4gram gòn + 2,4gram gạc =11,8 gram. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	100.000
111	SP111	N02.03.020	Gòn miếng : 4,5cmx5,5cmx10 miếng + Gạc lót gòn 6,5cmx4,5cmx 10 miếng	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, Bông: 100% bông xơ tự nhiên , tốc độ thấm hút ≤ 8s, tiệt trùng. - Kích thước: Gòn miếng : 4,5cm x5,5cm, 10 miếng/gói + Gạc lót gòn 6,5cm x 4,5cm, 10 miếng/gói. - Trọng lượng : 10gram gòn + 5gram gạc =15gram. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	14.000
112	SP112	N02.03.020	Gòn miếng lớn : 8cmx 8cmx 30 miếng + Gạc lót gòn : 8cmx9cm x 1 miếng	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, Bông: 100% bông xơ tự nhiên, tốc độ thấm hút ≤ 8s, tiệt trùng. - Gòn miếng lớn : 8cmx 8cm, 30 miếng/ gói + Gạc lót gòn : 8cmx9cm, 1 miếng/gói - Trọng lượng : 42gram gòn + 0,6gram gạc =42,6gram. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	4.000
113	SP113	N01.01.010	Gòn miếng lớn : 8cmx7cmx20 miếng	- Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, tốc độ thấm hút ≤ 8s . - Gòn miếng lớn : 8cmx7cmx20 miếng/gói, tiệt trùng. - Trọng lượng gòn : 32gram. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	18.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T-T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
114	SP114	N01.01.010	Gòn miếng nhỏ : 5cmx3 cmx 20 miếng	- Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, tốc độ thấm hút ≤ 8s. - Quy cách: 5cm x3 cm, 20 miếng/gói. - Trọng lượng : 20gram/gói, tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	12.000
115	SP115	N01.01.010	Gòn tiêm thuốc : 30 viên / gói	- Nguyên liệu: Bông xơ tự nhiên 100%, tốc độ thấm hút ≤ 8s. Trọng lượng : 20gram/ gói, gói 30 viên, tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016(hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Gói	150.000
116	SP116	N02.03.020	Gói gạc đắp phòng	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, tốc độ thấm hút ≤ 8s, tiệt trùng. - Kích thước: Gạc 50x50cm: 2 miếng/ gói - Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016(hoặc tương đương)	Gói	27.000
117	SP117	N02.03.020	Gạc tiểu phẫu : 09cmx11cmx 5 miếng	- Nguyên liệu: Gạc 100% cotton, tốc độ thấm hút ≤ 8s. Kích thước: Gạc 09cm x 11cm x 5 miếng/gói, mỗi miếng có 12 lớp gạc, rìa tám gạc được xếp vào trong - Trọng lượng : 20 gr/gói, tiệt trùng. -Tiêu chuẩn: ISO 13485:2016(hoặc tương đương)	Gói	4.000
118	SP118	N08.00.260	Kẹp xanh	- Dùng kẹp túi dịch thẩm phân phúc mạc.	Cái	100
119	SP119	N08.00.260	Kẹp catheter	- Kẹp Catheter dùng khi thay transfer set (kẹp ống thông) - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	50
120	SP120	N04.03.110	Bộ kết nối máy lọc màng bụng(thẩm phân phúc mạc)tự động người lớn	Bộ kết nối máy lọc màng bụng thẩm phân phúc mạc tự động người lớn(HomeChoice Automated PD set with Cassette and 4-Prong Luers)	Bộ	500
121	SP121	N03.07.060	Túi đựng dịch xả 15L	- Túi đựng dịch dùng cho máy Homechoice. - Thể tích ≥ 15 lít. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	500
122	SP122	N04.04.040	Nắp đóng bộ chuyển tiếp	- Nắp đóng bộ chuyển tiếp, nắp bằng nhựa chứa povidon- iod. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	120.000
123	SP123	N04.04.010	Catheter (Ống thông) đầu cong dùng thẩm phân phúc mạc	- Catheter (Ống thông) đầu cong dùng thẩm phân phúc mạc cho người lớn. - Dài 63cm, 2 nút chặn để vô dịch ổ bụng. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	30
124	SP124	N07.02.020	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng	Đầu nối cho ống thông lọc màng bụng(Locking Titanium Adapter for peritoneal Dialysis catheter)	cái	30
125	SP125	N04.03.040	Bộ chuyển tiếp	- Bộ chuyển tiếp (Transfer set) kết nối giữa Catheter và túi dịch lọc. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	200
126	SP126		Túi dự trữ Oxy	- Túi dự trữ Oxy - Chất liệu: Được làm bằng nylon không độc hại và các vật liệu cao su dùng trong y tế. - Thể tích ≥ 40 lít. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	250
127	SP127	N03.07.060	Túi đựng nước tiểu 2 lít có dây treo	- Túi đựng nước tiểu bằng nhựa, có van xả, có dây treo 2000ml, có chia thể tích. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	35.000
128	SP128	N03.07.080	Túi hậu môn nhân tạo rời xả được, có khử mùi	- Túi hậu môn nhân tạo loại xả, miệng xả rộng 70mm, mỗi túi đi kèm thanh kẹp mềm. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	1.300

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
129	SP129	N03.01.010	Bơm cho ăn 50ml	- Nhựa, không chứa DEHP. - Sử dụng một lần 50ml dầu lớn - Đốc to lắp vừa dây cho ăn. - Pít tông có khóa bề gãy để hủy chống sử dụng lại. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	30.000
130	SP130	N03.01.070	Bơm tiêm 5ml	- Dung tích: 5ml. Kim: 23G, 25G. - Nhựa y tế. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bề gãy để hủy. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016; CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	800.000
131	SP131	N03.01.070	Bơm tiêm 10ml	- Dung tích: 10ml, liền kim dùng một lần. - Kim: 23G x1", 25G x 1" - Nhựa y tế. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bề gãy để hủy. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016; CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	1.300.000
132	SP132	N03.01.070	Bơm tiêm 1ml	- Dung tích: 1ml. Kim: 26G x1/2" - Nhựa y tế. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bề gãy để hủy. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016; CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	170.000
133	SP133	N03.01.070	Bơm tiêm 20ml	- Dung tích: 20ml, Kim: 23G hoặc 25G. - Nhựa y tế. Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc. Pít tông có khóa bề gãy để hủy. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485: 2016; CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)..	Cái	100.000
134	SP134	N03.01.040	Bơm tiêm 50ml	- Dung tích: 50ml dầu nhỏ. - Nhựa y tế. Pít tông có khóa bề gãy để hủy. Đốc nhỏ lắp vừa kim tiêm các số. Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485: 2016; CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	60.000
135	SP135	N04.02.030	Dẫn lưu kín vết mổ	- Bình: 600-800ml - Có ống thông và lỗ thoát dịch, đáp ứng nhu cầu thoát dịch từ trung bình đến nặng - Kim cong các cỡ - Vô trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	250
136	SP136	N03.05.030	Dây truyền máu	- Bộ dây truyền máu có công kết nối vạn xoắn, đáp ứng cho mọi loại túi máu, không có chất DEHP. Khoan nhỏ giọt trang bị một màng lọc tiểu phân $\geq 200 \mu\text{m}$ - Có khoá điều chỉnh giọt. - Dây dài 180cm - Dây truyền làm từ nguyên liệu nhựa y tế. Tiệt trùng	Bộ	18.000
137	SP137	N04.02.030	Ống dẫn lưu màng phổi các cỡ	- Ống dẫn lưu màng phổi. - Cỡ: 24 - 36Fr. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	1.100

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T-T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
138	SP138	N04.02.030	Ống dẫn lưu ổ bụng tiết trùng số 28	- Ống dẫn lưu (ống thông tiết trùng), - Số 28Fr - Tiết trùng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	5.000
139	SP139	N04.01.090	Sonde chữ T các số	- Ống thông chữ T. - Các cỡ: 14 - 22 Fr. - Tiết trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	270
140	SP140	N04.01.090	Sonde foley 1 nhánh, các số	- Ống thông tiêu: 1 nhánh - Các cỡ: 6 - 22Fr - Tiết trùng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	350
141	SP141	N04.01.090	Sonde foley 2 nhánh, các số	- Ống thông tiêu: 2 nhánh. - Các cỡ: 6 - 24Fr. - Tiết trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	24.000
142	SP142	N04.01.090	Sonde foley 3 nhánh, các số	- Ống thông tiêu: 3 nhánh. - Các cỡ: 16 - 24Fr. - Tiết trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	1.400
143	SP143	N04.01.090	Sonde Pezzer các số	- Ống thông túi mật - Các cỡ: 14 - 28Fr - Tiết trùng - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)	Cái	350
144	SP144		Cây đặt nội khí quản khó Bougie	- Cây đặt nội khí quản khó, bằng nhôm phủ PVC. Sử dụng nhiều lần - Các cỡ: 4mm - 11mm - Dài 700mm - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	35
145	SP145	N04.01.030	Nội khí quản lò xo	- Làm từ nhựa PVC, lò xo bên trong mảnh, thân ống có chia vạch, có vạch định vị bóng, có bóng. - Size: Các cỡ. - Tiết trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	60
146	SP146		Điện cực đất loại dán	- Miếng dán đo điện cơ: Điện cực ghi hoặc điện cực nối đất. - Dùng 1 lần. - Có 2 dây dẫn dài 1m. - Kích thước: 40mm-50mm - Tương thích với máy đo điện cơ Natus 4 kênh Viking Quest. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	150
147	SP147		Điện cực nhẵn	- Điện cực nhẵn dùng đo dẫn truyền cảm giác, đo dẫn truyền vận động, có 2 vòng cong bao gồm thép không gỉ, vòng điều chỉnh với nhựa PVC màu đỏ và màu đen bọc dây kết nối riêng, có 2 nút cố định bằng nút cao su. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	3
148	SP148		Paste dẫn truyền	- Paste điện não Gel không mùi, được thiết kế để sử dụng với điện cực EEG Cup. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	5

T
Đ
Đ
T
M

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
149	SP149		Tấm điện cực trung tính có vòng đẳng thế dùng 1 lần	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu xốp mỏng - Hình Oval - Có lớp mỏng Hydrogel - Có vòng đẳng thế - Kích thước: 176mm x 122mm - Độ dày: ≤ 1mm - Diện tích bề mặt dán 169 cm², - Diện tích vùng dẫn: 110cm²; Độ tăng nhiệt trong 60s: <5°C/350mA. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	250
150	SP150		Chi thị sinh học	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ thị sinh học EO cho kết quả nhanh 4 giờ. - Ống kín chứa Bào tử đề kháng cao Bacillus Atrophaeus. - Nhiệt độ ủ: 37°C ± 2°C. - Thời gian đọc kết quả: 4 giờ khi ủ với máy 3MTM AutoReader 390G. - Thành phần: Vỏ và nắp ống chỉ thị 40-45%, Dung dịch nuôi cấy sinh học 30-40%, Ống thủy tinh 30-40%, Lưới cán 1-3%, Nhãn với mực chỉ thị 1-3%. - Tiêu chuẩn FDA; ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Ống	100
151	SP151		Chi thị sinh học cho chu trình tiết khuẩn	<ul style="list-style-type: none"> - Chi thị sinh học H₂O₂ (Có chỉ thị hoá học trên nắp ống chuyển từ đỏ sang vàng). - Đọc kết quả nhanh: 30 phút. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Ống	120
152	SP152		Băng mực in	<ul style="list-style-type: none"> - Mực in dùng cho máy in máy tiết khuẩn. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). - Sử dụng tương thích với máy Sterrad 100S. 	Băng	6
153	SP153		Giấy in kết quả 76mm	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy in 2 lớp dùng in kết quả tiết trùng. - Chiều rộng: 76mm - Sử dụng tương thích với máy Sterrad 100S. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cuộn	12
154	SP154		Que chỉ thị hóa học	<ul style="list-style-type: none"> - Que thử có chỉ thị hóa học nhận dạng H₂O₂, chuyển từ đỏ sang vàng sau khi test. - Tương thích với các dòng máy tiết khuẩn STERRAD 100S. - Tiêu chuẩn chất lượng: EC, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	que	9.000
155	SP155		Băng đựng hóa chất H ₂ O ₂	<ul style="list-style-type: none"> - Băng đựng hóa chất H₂O₂. - Mỗi băng gồm 10 cell mỗi cell chứa 1,8ml H₂O₂ 58%. - Tương thích với máy tiết trùng nhiệt độ thấp STERRAD 100S - Tiêu chuẩn chất lượng: EC, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Băng	400
156	SP156		Bình khí 100% khí EO	<ul style="list-style-type: none"> - Bình khí chứa 100% EO, 170 gram. - Sử dụng tương thích với máy EO hiện có của bệnh viện. 	Bình	500
157	SP157	N01.02.030	Cồn 96 độ	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức: C₂H₅OH. - Thành phần: Ethanol 96%. - Can 30 lít. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Lít	6.800
158	SP158		GLYCERIN	<ul style="list-style-type: none"> - Glycerin là chất lỏng, không màu, không mùi và vị ngọt. - Công thức C₃H₅(OH)₃ - Tỷ trọng: 1.261 g/cm³ - Độ nhớt: 1.412 Pa.s - Nồng độ > 99%. - Chai: 1 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485(hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Chai	115

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
159	SP159	N01.02.020	Oxy già 3%	- Thành phần: Hydrogen peroxide. - Nồng độ: 3%. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lít	613
160	SP160		Tinh dầu pha nước rửa tay	- Màu vàng nhạt, trong suốt. - Trọng lượng ở 20 độ C: 0.89. - Độ khúc xạ: 1.486. - Tan hoàn toàn trong cồn. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lít	35
161	SP161		Chỉ thị sinh học	- Chỉ thị sinh học để kiểm tra quá trình tiệt khuẩn hơi nước kiểu trọng lực ở nhiệt độ 121°C và hút chân không ở 132 ° C - Thành phần bao gồm: Một dải bảo tử Geobacillus stearothermophilus Ông thủy tinh kín với môi trường sinh trưởng Nắp có các lỗ để xâm nhập các yếu tố tiệt khuẩn Bộ lọc hoạt động như một rào cản Vạch chỉ thị tiếp xúc trên nhãn sẽ chuyển từ màu hồng sang màu nâu sau tiệt khuẩn. - Sau khi tiệt khuẩn, lọ được nghiền nhỏ để ghép môi trường tăng trưởng với dải bảo tử đã xử lý. - Cho kết quả trong 3 giờ khi được ủ trong thiết bị 3M Attest Auto-reader 390 ở nhiệt độ 60°C để đọc huỳnh quang	Ông	350
162	SP162		Giấy in	- Giấy in thông số vận hành tương thích với máy Steri-Vac, 79mm x 30m	cuộn	5
163	SP163	N03.07.030	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 100mmx200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng. Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở ria túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	48
164	SP164	N03.07.030	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 150mm x 200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở ria túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	72
165	SP165	N03.07.030	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 200mm x 200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng. Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở ria túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	100
166	SP166	N03.07.030	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 250mmx200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở ria túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	90

NH V
KH
NG
I GI

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
167	SP167	N03.07.030	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 300mmx200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng. Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở rìa túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	100
168	SP168	N03.07.030	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 350 mm x200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng. Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở rìa túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	80
169	SP169	N03.07.030	Túi cuộn tiệt trùng loại đẹp 400mmx200m	- Túi hấp tiệt trùng loại đẹp dùng để đóng gói hấp tiệt trùng. Có chỉ thị tiếp xúc EO/Steam ở rìa túi ép. - Túi hấp tiệt trùng được làm từ giấy cấp y tế, màng trong suốt nhiều lớp PET/PP phù hợp với phương pháp tiệt trùng bằng hơi nước và khí EO. - Định lượng của giấy cấp y tế: 60gsm hoặc 70gsm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	12
170	SP170		Giấy cuộn Tyvek 150mm x 70m có chỉ thị hóa học, dùng cho tiệt khuẩn plasma	- Túi tiệt trùng Tyvek dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Với chỉ thị hóa học công nghệ Plasma. - Túi tiệt trùng Tyvek được làm từ giấy Tyvek, màng trong suốt nhiều lớp PE phù hợp với phương pháp khử trùng bằng Plasma, khí EO. - Thay đổi màu sắc trên giấy chỉ thị chính xác. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	40
171	SP171		Giấy cuộn Tyvek 350mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ, dùng cho tiệt khuẩn plasma	- Túi tiệt trùng Tyvek dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Với chỉ thị hóa học công nghệ Plasma. - Túi tiệt trùng Tyvek được làm từ giấy Tyvek, màng trong suốt nhiều lớp PE phù hợp với phương pháp khử trùng bằng Plasma, khí EO. - Thay đổi màu sắc trên giấy chỉ thị chính xác. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	14
172	SP172		Giấy cuộn Tyvek 420mm x 70m có chỉ thị hóa học màu đỏ, dùng cho tiệt khuẩn plasma	- Túi tiệt trùng Tyvek dùng để đóng gói hấp tiệt trùng các dụng cụ phẫu thuật và trang thiết bị y tế. Với chỉ thị hóa học công nghệ Plasma. - Túi tiệt trùng Tyvek được làm từ giấy Tyvek, màng trong suốt nhiều lớp PE phù hợp với phương pháp khử trùng bằng Plasma, khí EO. - Thay đổi màu sắc trên giấy chỉ thị chính xác. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE Marking - EN ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	8
173	SP173		Bộ lọc khí thở ra	- Bộ lọc khí thở ra, sử dụng nhiều lần. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	35
174	SP174		Bộ lọc khí thở vào	- Bộ lọc khí thở vào, sử dụng nhiều lần. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	35

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
175	SP175	N08.00.350	Bộ phin lọc khí loại ba chức năng	- Phin lọc khuẩn 3 chức năng, có cổng lấy mẫu khí, trong suốt, độ cản dòng thấp. - Kết nối: 22mmF-15mmM/ 22mmM-15mmF. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	17.000
176	SP176	N08.00.350	Lọc vi khuẩn có cổng đo CO2 có co nối riêng tương thích với các loại máy thở	- Lọc vi khuẩn, có cổng lấy mẫu khí, tương thích với các loại máy thở, tiết trùng. - Lưu lượng dòng khí: 150-1500ml. - Kết nối 22mmF-15mmM/ 22mmM. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	24.000
177	SP177	N05.02.030	Chỉ nha khoa	- Sợi chỉ chuyên dụng, phù sáp. - Thành phần: Nylon, Pebax, Microcrystalline Wax, Mint Flavo. - Tiêu chuẩn: ISO13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	13
178	SP178	N05.02.070	Chỉ thép mềm đk 0.4mm-1.2mm, cuộn 5m	- Chỉ thép mềm. - Cờ chỉ đường kính: 0,4-1,2mm, dài 5m. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cuộn	170
179	SP179		Dây Garo	- Băng dính 2 đầu, miếng gài bền chắc. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Sợi	3.300
180	SP180		Mô vệt nhựa	- Chất liệu: băng nhựa. - Cỡ: S, M, L. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE/FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	1.200
181	SP181	N04.03.020	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo 4 trong 1	- Bộ dây lọc máu gồm: - 01 dây động mạch; - 01 dây tĩnh mạch; - Phin lọc khí- tranducer protector; - 01 dây truyền dịch; - Túi dịch xả 2 lít; - Đường kính dây bơm: 8 x 12mm, dài 420mm. - Bầu nhỏ giọt : đường kính:20- 22mm, có màng lọc. - Tiết trùng. - Tiêu chuẩn: ISO13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	80.000
182	SP182	N07.02.080	Quả lọc thận nhân tạo	- Chất liệu màng: Polysulfone-PVP (Polyvinyl Pyrrolidone) blend hoặc tương đương. - Diện tích màng: 1,8m ² . - Thể tích mỗi: ≤95ml. - Hệ số siêu lọc: ≥53-64ml/giờ/mmHg. - Kèm 2 nắp đậy màng lọc. - Chất liệu vỏ bọc: Polypropylene. - Hệ số sàng lọc: β2-Microglobulin:0.9; Albumin:<0.001. - Áp lực xuyên màng tối đa: ≥600 mmHg. - Tiết trùng. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Quả	3.000
183	SP183	N07.02.080	Quả lọc thận nhân tạo	- Chất liệu màng: Polysulfone-PVP (Polyvinyl Pyrrolidone) blend hoặc tương đương. - Diện tích màng: ≥1,4m ² . - Thể tích mỗi: ≤74 ml. - Hệ số siêu lọc: ≥ 12ml/giờ/mmHg. - Kèm 2 nắp đậy màng lọc. - Chất liệu vỏ bọc: Polypropylene. - Bề dày thành sợi/ đường kính sợi: 35/185μm. - Áp lực xuyên màng tối đa: ≥ 600 mmHg. - Tiết trùng. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Quả	3.500

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
184	SP184	N07.02.080	Quả lọc thận nhân tạo	- Chất liệu màng: Polysulfone-PVP (Polyvinyl Pyrrolidone) blend hoặc tương đương. - Diện tích màng: 1,8m ² - Thể tích mỗi: ≤95ml - Hệ số siêu lọc: ≥14 ml/giờ/mmHg - Kèm 2 nắp đậy màng lọc - Áp lực xuyên màng tối đa: ≥600mmHg - Vỏ quả lọc: Polypropylene -Bề dày thành sợi/ đường kính sợi ≤35/185µm - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Quả	7.000
185	SP185	N07.02.080	Quả lọc thận	- Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi thiên nhiên cellulose triacetate. Diện tích: 1,7 m ² . Thể tích mỗi: 101 ml. Hệ số siêu lọc: 19 (mL/giờ/mmHg). Độ dày thành sợi: 15 µm. Vỏ quả lọc: Polypropylene Độ thanh thải (Qb: 300ml/min): Ure: 279 ml/min Creatinine : 244 ml/min Phosphate: 213 ml/min Vitamin B12: 133 ml/min - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Quả	110
186	SP186	N07.02.080	Quả lọc thận	- Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP. Diện tích: 1,7 m ² . Thể tích mỗi: 104mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 18 (mL/giờ/mmHg). TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 µm. Vỏ quả lọc: Polypropylene Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 267 ml/min Creatinine : 246 ml/min Phosphate: 205 ml/min Vitamin B12: 124 ml/min. - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Quả	1.200
187	SP187		Dịch rửa quả lọc thận	- Peracetic Acid: 5%; Hydrogen Peroxide 26,53%; Acetic Acid: 7,83%	Lít	170
188	SP188		Acid Citric	- Tinh khiết >99%.	Kg	700
189	SP189	N08.00.410	Dịch lọc thận nhân tạo (dịch A)	- Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: • Natri clorid: 2708.69g. • Kali clorid: 67.10g. • Calciclorid.2H ₂ O: 99.24 g. • Magnesi clorid.6H ₂ O: 45.75g. • Acid acetic băng: 81.00g. • Glucose H ₂ O : 494.99g. • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC/MDR (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Can	20.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
190	SP190	N08.00.410	Dịch lọc thận nhân tạo (dịch B)	- Can 10 lít dung dịch đậm đặc chứa: • Natri Bicarbonate: 840g • Dinatri Edetat. 2H2O: 0.5 g • pH : 7.3 - 8.6 • Al ≤ 0.1 mg/ml trên chế phẩm chưa pha loãng • Nước tinh khiết vừa đủ: 10 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 và EC/MDR (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Can	34.500
191	SP191	N04.04.010	Catheter 02 nòng tĩnh mạch đùi cho thận nhân tạo	- Sản phẩm gồm có: 1 catheter 2 nhánh chất liệu polyurethane 12Fr x 16cm, nắp đậy van khóa 1 chiều needle free connector (2 cái), kim dẫn đường chữ Y 18G, dilator (2 cái) 12Fx15cm và 10Fx15cm, kim tiêm 21G, dây dẫn đường 0,035x50cm, dao mổ, bơm tiêm 5ml, băng vết thương, chỉ khâu kèm kim cong. - Có đánh dấu màu ở các nhánh lumen.	cái	1.000
192	SP192		Cassette sử dụng cho máy mổ Phaco	- Cassette sử dụng cho máy Laureate. - Tiêu chuẩn: ISO13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	100
193	SP193	N05.03.080	Dao mổ Phaco 15 độ	- Dao mổ phụ 15 độ. Chọc tiền phòng trong mổ Phaco, vật liệu: lưới thép không gỉ, cán nhựa. - Đóng gói vô trùng từng cái.	cái	350
194	SP194	N05.03.080	Dao mổ Phaco 2,2mm - 3,2mm	- Kích thước: 2,2- 3,2mm - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	350
195	SP195	N07.03.040	Dịch nhầy	- Dịch nhầy Hydroxypropyl methylcellulose 2%: Độ nhớt: 3.000 - 5.500 mPa.s, Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm/kg, Độ Ph: 6.8-7.6, Hydroxypropyl Methylcellulose: 20.000mg, Sodium Chloride: 6.40mg, Potassium Chloride: 0.75mg, Calcium Chloride 2H2O: 0.48mg, Magnesium Chloride 6H2O: 0.30mg, Sodium Acetate 3H2O: 3.9mg, Trisodium Citrate 2H2O: 1.7mg, Nước pha tiêm vừa đủ, Ống 2ml	Lọ	800
196	SP196		Thuốc nhuộm bao	- Thuốc nhuộm bao Trypan blue 0.06%, lọ 1ml, không ảnh hưởng đến nội mô giác mạc. - Chứa trong lọ thủy tinh tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc CE hoặc FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	120
197	SP197	N07.01.200	Bộ đầu thắt tĩnh mạch thực quản	Bao gồm: - Tay quay có ngã bơm rửa và nắp bảo động khi bung 1 vòng thun. Ngã tưới rửa to. - Đầu thắt bao gồm các vòng dây thun được lắp sẵn vào 1 đầu trong suốt phía trên phần gắn vào ống soi là silicone mềm, Tương thích đường kính ngoài ống soi 9- 11mm, cấu trúc 1 sợi kéo.	Bộ	70
198	SP198	N07.04.100	Bóng kéo sợi đường mật 3 kênh	- Dụng cụ sử dụng một lần. - Cấu tạo bao gồm 4 phần: Bóng kéo sợi, ống dẫn, đầu kết nối 3 ngã và ống tiêm. - Bóng thiết kế phẳng. - Bóng kéo sợi có 3 kênh với dụng cụ bơm ở bên trên bóng. - Bóng: đường kính: 12 – 15 – 18mm; thể tích khi bơm: 1.8 – 3.0 – 5.0ml; được làm bằng: cao su latex tự nhiên + Bạch kim và Thép không gỉ - Ống thông: đường kính: 7Fr; chiều dài: 200cm; sử dụng với dây dẫn hướng 0.035"; được làm bằng: Pebax. - Ống tiêm bơm bóng được làm bằng Polypropelene. - Đầu kết nối 3 ngã được làm bằng ABS.	Cái	50



STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
199	SP199	N07.04.100	Rọ lấy sỏi đường mật 4 - 6 nhánh	<ul style="list-style-type: none"> - Dùng lấy sỏi/ tán sỏi. Rọ 4 dây xoắn. Độ mở 25/40mm hoặc 30/45mm. - Đường kính dây dẫn 2,6mm dài 215cm. - Có ngã luồn guidewire Tương thích 0.035 inch. - Tay cầm có thể tháo rời. - Tiêu chuẩn sử dụng nhiều lần, hấp tiệt trùng được. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	40
200	SP200	N08.00.260	Clip cầm máu, tay cầm lắp sẵn, xoay được, loại đóng mở nhiều lần	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: kim loại không bọc nhựa Độ mở clip: 12mm. - Clip lắp sẵn với tay gắn, xoay được 360 độ, đóng mở nhiều lần. - Đường kính dây dẫn: 2,6mm Chiều dài: 2300mm. - Tiệt khuẩn. - Sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	330
201	SP201	N07.01.240	Bóng nang đường mật các cỡ có ngã Guidewire	<ul style="list-style-type: none"> - Loại CRE (hoặc tương đương). Chất liệu Pebax. - Chiều dài bóng 5.5cm. - Đường kính bóng bơm theo 3 cấp độ 6-7-8mm hoặc 8-9-10mm hoặc 10-11-12mm. - Đường kính dây dẫn bóng 7.5Fr dài 180cm. - Có ngã luồn guidewire 0.035 inch. - Tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	6
202	SP202	N03.02.030	Kim chích cầm máu dạ dày, đại tràng	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu Teflon. Tay cầm có nút bấm cố định kim và có nắp đậy. - Kim đầu kim loại dài 3-5mm, đường kính 0.5mm - 0.7mm - Đường kính dụng cụ 2,35mm dài 180- 230cm. - Sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	100
203	SP203	N07.01.270	Dây dẫn đường mật	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ sử dụng một lần. - Dây dẫn hướng được làm bằng vật liệu Hydrophyllic Nitinol. - Lõi được làm bằng Nitinol. - Lớp phủ lõi được làm bằng PTFE. - Đầu tip được làm bằng Pebax - Một đầu: đầu thẳng, dài 5 cm - Chiều dài dây dẫn: 450 cm; đường kính: 0.035". - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	40
204	SP204	N06.02.100	Stent đường mật bằng nhựa, loại đuôi heo	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông đường mật, cong 2 đầu. - Thời gian lưu stent đến 360 ngày. - Chất liệu Polyurethane mềm, dẻo. - Đầu có điểm cân quang. - Đường kính 7-10Fr dài 5-7cm. - Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	40
205	SP205	N06.02.100	Stent đường mật bằng nhựa, loại thẳng	<ul style="list-style-type: none"> - Ống thông đường mật, thẳng đoạn giữa hơi cong theo đường mật (center bend). - Thời gian lưu stent đến 360 ngày. - Chất liệu Polyurethane mềm, dẻo. - Đầu có điểm cân quang giúp quang sát tốt hơn. - Đường kính 7-8,5-10Fr dài 5-12cm. - Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	40

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
206	SP206	N05.03.020	Dao cắt cơ vòng 3 kênh	- Chiều dài dao 30mm. - Đường kính đầu 5,5Fr. - Chiều dài tip 5mm. - Chiều dài dụng cụ 200cm. - Tương thích với các ống soi có đường kính kênh sinh thiết 2,8mm trở lên. - Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	40
207	SP207	N05.03.020	Dao cắt cơ vòng 3 kênh	- Dao cắt cơ vòng dạng kim 3 kênh. - Chiều dài dao kim: 5mm. - Đường kính dụng cụ 5.5Fr - chiều dài dụng cụ 200cm. - Ngã luôn dây dẫn 0.035 inch. - Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	5
208	SP208	N07.04.060	Thông lọng cắt polyp	- Dũa cắt Polyp. - Dây bện, đường kính ngoài của dây: 0,0165 inch - Hình dạng: hình tròn - Đường kính 15-25mm. - Tiêu chuẩn FDA, CE, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	6
209	SP209		Chổi vệ sinh dụng cụ nội soi	- Chổi vệ sinh dụng cụ, cỡ 7mm, 11mm. - Chiều dài 35cm - Tương thích với hệ thống nội soi Karl Storz - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cây	240
210	SP210		Điện cực cắt đốt dạng con lăn	- Dụng cụ cắt đốt bằng điện. Dạng con lăn. - 24- 28 Fr, 12°, 30° - Tương thích với máy Olympus - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	6
211	SP211		Điện cực cắt đốt dạng kim nghiêng 45 độ	- Điện cực cắt đốt dạng kim nghiêng 45 độ - Tương thích với máy Olympus - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	6
212	SP212		Điện cực cắt đốt dạng vòng	- Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr. - Tương thích với máy Olympus. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	18
213	SP213		Nắp dầy trocar cỡ 5mm	- Nắp dầy trocar dùng cho trocar 5mm - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	13
214	SP214		Nắp dầy trocar, cỡ 6mm	- Nắp dầy trocar dùng cho trocar 6mm - Tương thích với máy Kart Storz - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	13
215	SP215		Nắp dầy trocar 11mm	- Nắp dầy trocar dùng cho trocar 11mm - Tương thích với máy nội soi Olympus - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	13
216	SP216		Nắp dầy trocar 5,5mm	- Nắp dầy trocar dùng cho trocar 5,5mm - Tương thích với máy nội soi Olympus - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	13
217	SP217		Nắp dầy trocar, cỡ 11mm	- Nắp dầy trocar dùng cho trocar 11mm - Tương thích với máy Kart Storz - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
218	SP218		Nút cao su dầy kênh sinh thiết của máy nội soi	- Chất liệu nhựa, dùng được cho tất cả các kênh sinh thiết ống soi. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	chiếc	60

T N
ỆNH
A K
RUNG
ING

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T-T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
219	SP219	N07.05.100	Rọ lấy sỏi niệu quản	- Cỡ: 3.0 Fr, dài: 90cm, đường kính mở của rọ là 15 mm. - Chất liệu Nitinol đàn hồi cao, có 4 dây hình xoắn ốc. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	150
220	SP220	N07.01.270	Dây dẫn đường dùng trong tán sỏi niệu quản loại cứng	- Cấu tạo bằng thép không gỉ, phủ PTFE, đầu thẳng. - Các cỡ: 0.032"; 0.035"; dài 150cm. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	230
221	SP221	N07.01.270	Dây dẫn đường dùng trong tán sỏi niệu quản loại mềm	- Chất liệu lõi Nitinol; phủ Hydrophilic. - Các cỡ: 0.032"; 0.035"; dài 150cm. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	140
222	SP222	N04.01.090	Ống thông JJ đặt nông niệu quản, đầu mở	- Chất liệu nhựa Polyurethan (PUR), có phủ Hydrophilic đầu mở, hai đầu cong hình chữ J. - Có cây đẩy màu xanh dương, size 5Fr, 6Fr, 7Fr dài 26cm. - Tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	1.500
223	SP223		Van Trocar 5,5mm	- Van Trocar 5,5mm, tương thích với máy Olympus. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	35
224	SP224		Van trong troca cỡ 5mm	- Van trong troca cỡ 5mm. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
225	SP225		Bao + ruột huyết áp dùng cho máy monitoring	- Bao đo huyết áp 1 dây/ 2 dây cho monitor, ruột huyết áp. - Dùng cho người lớn. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	233
226	SP226		Bao + ruột máy huyết áp người lớn	- Bao đo huyết áp, Ruột huyết áp. - Dùng cho người lớn. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	120
227	SP227		Bo máy huyết áp	- Bo máy huyết áp. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	233
228	SP228		Bóng đèn hồng ngoại	- Bóng đèn hồng ngoại. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	60
229	SP229		Bóng đèn nội khí quản	- Bóng đèn halogen đặt nội khí quản 2,5V - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	60
230	SP230		Bóng đèn xenon 300W	- Bóng đèn xenon dùng cho máy nội soi. - Loại bóng 300W. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	5
231	SP231		Cáp + đầu dò Sp02	- Cáp + đầu dò Sp02 dùng cho máy Nihon Kohden - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
232	SP232		Đầu đo lưu lượng trên khối thở ra	- Đầu đo lưu lượng khí thở ra tương thích máy thở Bennett 840. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
233	SP233		Đầu dò oxy	- Đầu dò (sensor) oxy tương thích cho máy thở Bennett 840/980 - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	35
234	SP234		Đầu EVAC mổ amidan và nạo VA	- Đầu cắt amidan và nạo VA dùng cho máy Coblator II. - Thẳng có thể uốn cong. - Chiều dài: 6 inches. - Đầu cắt cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút. - Đầu cắt có 4 công. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	7

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
235	SP235		Đầu Reflex Ultra 45 cuống mũi	- Đầu cắt cuống mũi công nghệ Plasma dùng cho máy Coblator II. - Đầu cắt mô cuống mũi được uốn cong. - Trên đầu cắt có vạch chia. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	7
236	SP236		Điện cực – máy tán sỏi	- Điện cực có xung điện tối đa 2500 xung - Dài: 155mm - Đầu to: f25mm - Đầu bé: f10mm - Phù hợp với máy tán sỏi HD.ESWL-V - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	700
237	SP237		Kẹp tử chi ECG	- Kẹp điện tim dùng cho máy điện tim các loại. - Bộ: có 4 kẹp. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	13
238	SP238		Thùng điện dung	- Thùng điện dung dùng cho máy tán sỏi HD.ESWL-V. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Thùng	3
239	SP239		Túi hơi máy đo huyết áp	- Túi hơi dùng cho máy đo huyết áp. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	233
240	SP240		Lam kính nhám 25,4 x 76,2mm	- Lam kính nhám. - Kích thước: 25,4 x 76,2mm. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	82.800
241	SP241		Lamell 22 x 22mm	- Chất liệu bằng thủy tinh. - Kích thước: 22 x 22mm. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	34.500
242	SP242		Nhộng lỏng màu A 3.5 (Composite)	- Composite lỏng quang trùng hợp có tính cân quang cao - Màu: A3.5. - Nhộng: 0,25g. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tuýp	13
243	SP243		Lưỡi đèn nội khí quản số 3	- Dùng cho đèn đặt nội khí quản Rister, số 3. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
244	SP244		Lưỡi đèn nội khí quản số 4	- Dùng cho đèn đặt nội khí quản Rister, số 4. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	33
245	SP245		Kẹp động mạch Crile (Pen), mảnh, cong, dài 160mm	- Kẹp động mạch Crile, mảnh, cong, dài 160mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương	Cái	50

H
VI
H
GT
JAN

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
246	SP246		Kẹp mang kim cán vàng dài 185mm	- Kẹp mang kim, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài 185mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương	Cái	20
247	SP247		Kềm nhổ răng 8 hàm trên	- Kềm nhổ răng 8 hàm trên. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	29
248	SP248		Kềm nhổ răng các loại, các số	- Kềm nhổ răng các loại, các số. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	35
249	SP249		Kềm sinh thiết dạ dày, 2,2mm dài 160cm	- Kềm sinh thiết dạ dày. - Đường kính: 2,2mm; dài 160cm. - Dây kim loại. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	100
250	SP250		Kềm sinh thiết đại tràng, đk 2,2mm dài 230cm	- Kềm sinh thiết đại tràng. - Đường kính: 2,2mm; dài 230cm. - Dây kim loại. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	30
251	SP251	N08.00.260	Kẹp động mạch Crile thẳng, không mẫu dài 160mm	- Kẹp động mạch Crile, mảnh, thẳng, dài 160mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương	Cái	30
252	SP252		Kéo 18cm, 20cm, 22cm inox	- Kéo inox, Dài: 18cm, 20cm, 22cm inox các cỡ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	23

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
253	SP253		Kéo cắt chỉ dài 180mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo phẫu thuật, loại khô, thẳng, mũi tù/tù, dài 180mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	cái	30
254	SP254		Kéo phẫu thuật Mayo, cong, mũi tù/tù, dài 165mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo phẫu thuật Mayo, cong, mũi tù/tù, dài 165mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	30
255	SP255		Kéo cong nhọn 150 mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo phẫu tích, mảnh, cong, mặt ngoài hơi sắc, mũi nhọn/nhọn, dài 150mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	20
256	SP256		Kéo phẫu thuật Mayo-Lexer, cong, mũi tù/tù, dài 165mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo phẫu thuật Mayo-Lexer, cong, mũi tù/tù, dài 165mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	20



STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
257	SP257		Kéo phẫu thuật, loại chuẩn, thẳng, mũi nhọn/tù, dài 175mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kéo phẫu thuật, loại chuẩn, thẳng, mũi nhọn/tù, dài 175mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	20
258	SP258		Kẹp lấy mẫu làm Clotest thử HP	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp sinh thiết dạ dày, Đường kính: 1.8mm-2.3mm, Dài 160 - 180cm. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	115
259	SP259		Kẹp mang kim cán vàng dài 185mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp mang kim Hegar-Mayo, thẳng, bước răng 0,50mm, dùng cho chỉ tới 3/0, dài 185mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	20
260	SP260		Nhíp phẫu tích không chấn thương, mảnh, thẳng, cán vàng, dài 180mm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhíp phẫu tích không chấn thương, mảnh, thẳng, cán vàng, dài 180mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	cái	20

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
261	SP261		Nhíp mô Adson, mảnh, thẳng, ngâm có răng (1x2), dài 180mm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhíp mô Adson, mảnh, thẳng, ngâm có răng (1x2), dài 180mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	cái	20
262	SP262		Nhíp mô Adson (Micro), mảnh, thẳng, ngâm có răng (1x2), dài 150mm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhíp mô Adson (Micro), mảnh, thẳng, ngâm có răng (1x2), dài 150mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	cái	10
263	SP263		Nhíp phẫu tích Adson, mảnh, dài 120mm	<ul style="list-style-type: none"> - Nhíp phẫu tích Adson, mảnh, dài 120mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	cái	20
264	SP264		Kéo phẫu tích Metzenbaum cong, cán vàng dài 180mm	<ul style="list-style-type: none"> Kéo phẫu tích Metzenbaum, mảnh, cong, mũi tù/tù, cán vàng, dài 180mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	20

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
265	SP265		Kẹp mạch máu Heiss, mảnh, cong, đầu tù, dài 200mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp mạch máu Heiss, mảnh, cong, đầu tù, dài 200mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	cái	10
266	SP266		Kẹp mạch máu Heiss, mảnh, thẳng, đầu tù, dài 200mm	<ul style="list-style-type: none"> Kẹp mạch máu Heiss, mảnh, thẳng, đầu tù, dài 200mm * Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	20
267	SP267	N08.00.260	Kẹp động mạch Crile, mảnh, cong, dài 140mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp động mạch Crile, mảnh, cong, dài 140mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	50
268	SP268		Kẹp mạch máu Crile, mảnh, thẳng, ngâm có răng (1x2), dài 160mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp mạch máu Crile, mảnh, thẳng, ngâm có răng (1x2), dài 160mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	30

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
269	SP269	N08.00.260	Kẹp mạch máu Crile, mảnh, thẳng, ngàm dài, có răng (1x2), dài 140mm	<ul style="list-style-type: none"> - Kẹp mạch máu Crile, mảnh, thẳng, ngàm dài, có răng (1x2), dài 140mm - Tiêu chuẩn: + Nhà sản xuất đạt chứng nhận quản lý chất lượng EU MDR Loại I cho Thiết bị hoạt động trong điều kiện vô trùng và dụng cụ phẫu thuật dùng nhiều lần. + Sản phẩm có khắc mã số sản phẩm, logo hãng sản xuất, năm sản xuất, mã QR (data matrix), nhãn CE. + Vật liệu thép không gỉ dùng trong y tế tuân theo các tiêu chuẩn DIN 17440, DIN EN ISO 10151, DIN EN ISO 10270-3, DIN EN ISO 7153-1 hoặc tương đương. + Dụng cụ sản xuất đạt mức chịu đựng vật liệu khi hấp, ăn mòn và phơi nhiệt theo tiêu chuẩn DIN EN ISO 13402 hoặc tương đương. + Dụng cụ được kiểm tra chất lượng theo các tiêu chuẩn DIN 58298, ISO 7151, ISO 7741 trước khi xuất xưởng hoặc tương đương 	Cái	20
270	SP270		Đèn cồn	<ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	6
271	SP271		Bóng nước cao su	<ul style="list-style-type: none"> - Bóng nước cao su. - Tương thích với máy tán sỏi ngoài cơ thể HD.ESWL-V. - Chất liệu cao su thiên nhiên 100%. - Đường kính: 190mm. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	3
272	SP272	N03.04.010	Kim châm cứu các size	<ul style="list-style-type: none"> - Các size. Kim làm từ thép chuyên dụng, không gỉ, dẫn điện. - Thân kim nhỏ và tay cầm chắc chắn. - Được đóng vỉ riêng biệt, tiệt trùng. 	cái	400.000
273	SP273		Kim cấy chỉ Catgut số 4.5 chỉ 4.0	<ul style="list-style-type: none"> - Kim cấy chỉ Catgut số 4.5 chỉ 4.0 	cái	8.700
274	SP274	N03.02.080	Kim tiêm 23G X 1"	<ul style="list-style-type: none"> - Tiệt trùng. - Chất liệu làm thân kim tiêm bằng thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	12.000
275	SP275	N03.03.010	Kim chọc dò các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Kim chọc dò các cỡ, gây tê tủy sống. Cỡ kim: 18G/20G/21G/22G/25G/27G - Đầu kim 3 mặt vát - Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm. Chiều dài mặt vát từ 4.39mm - 1.23mm - Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 18G/20G/21G/22G/25G/27G là 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm - Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt, có nhiều rãnh ngang - Tiệt trùng - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 (hoặc tương đương) 	cái	2.800
276	SP276	N03.02.090	Nút chặn đuôi kim luồn	<ul style="list-style-type: none"> - Nút chặn đuôi kim luồn. - Có công tiêm. Đóng gói từng sợi riêng lẻ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	350.000
277	SP277	N04.01.010	Airway các số	<ul style="list-style-type: none"> - Các size 0, 1, 2, 3, 4. Làm bằng vật liệu PE, độ cong thích hợp. 	cái	22.000
278	SP278	N04.04.010	Bộ dây luồn tĩnh mạch 2 đường	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm gồm có: 1 catheter 2 đầu chất liệu polyurethane 7Fr x 20cm có đầu cân quang, nắp tiêm phủ silicon (2 cái), kim dẫn đường chữ Y 18Gx6.5cm, 1 dilator 8Fx10cm, kim tiêm 21G, dây dẫn đường 0,035"x60cm, dao mổ #11, bơm tiêm 5ml, khớp nối để khâu cố định (2 cái). Không latex. Distal 77ml/min, proximal 35ml/min. 	cái	1.400



STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
279	SP279		Bộ đặt nội khí quản người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ đặt nội khí quản người lớn. + 3 lưỡi cong. + Số 2/3/4, cán pin trung. + Cán tay cầm loại C, dạng không sọc. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	23
280	SP280	N04.02.060	Bộ hút đàm kín	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ hút đàm kín 2 cổng Một cổng súc rửa và một cổng truyền thuốc. - Thiết kế có khóa, vô trùng, sử dụng ≥ 72h. - Được làm từ chất liệu PVC, Non - DEHP, Không Latex. - Bao gồm: 1 ống hút đàm kín có khóa, 1 sticker ngày, 1 ống nối dây thở (Co nối gấp - Catheter mount), 1 vòng ngắt kết nối. 	Bộ	800
281	SP281	N02.04.060	Bộ vật tư hút dịch VAC lớn kháng khuẩn kháng nấm	<p>Chất liệu : xốp granufoam polyurethane, cấu trúc lỗ hồng mở 400-600 microns, hydrophobic construction</p> <p>Bộ gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xốp Granufoam kích thước 26 x 15 x 3.2cm - Dây dẫn & đầu nối có cảm biến - Kẹp dây dẫn & đầu nối - 1 Băng dán cố định - Thước đo <p>Tương thích máy V.A.C Ultra/ InfoVAC/ ActiVAC (hoặc tương đương)</p>	Bộ	23
282	SP282	N02.04.060	Bộ vật tư hút dịch VAC nhỏ kháng khuẩn kháng nấm	<p>Chất liệu : xốp granufoam polyurethane, cấu trúc lỗ hồng mở 400-600 microns, hydrophobic construction</p> <p>Bộ gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xốp Granufoam kích thước 10 x 7.5 x 3.2cm - Dây dẫn & đầu nối có cảm biến - Kẹp dây dẫn & đầu nối - 1 Băng dán cố định - Thước đo <p>Tương thích máy hút áp lực âm V.A.C Info , Active, Ultra (hoặc tương đương)</p>	Bộ	23
283	SP283	N02.04.060	Bộ vật tư hút dịch VAC trung kháng khuẩn kháng nấm	<p>Chất liệu : xốp granufoam polyurethane, cấu trúc lỗ hồng mở 400-600 microns, hydrophobic construction.</p> <p>Bộ gồm :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xốp Granufoam kích thước 18 x 12.5 x 3.2cm. - Dây dẫn & đầu nối có cảm biến. - Kẹp dây dẫn & đầu nối. - 1 Băng dán cố định. - Thước đo. <p>Tương thích máy V.A.C Ultra/ InfoVAC/ ActiVAC (hoặc tương đương).</p>	Bộ	23
284	SP284	N04.01.010	Cannula động mạch 1 nòng	<ul style="list-style-type: none"> - Phủ chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phôi HLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 15Fr đến 23Fr, chiều dài 15cm hay 23cm - Chất liệu của các chi tiết: o Cannula: polyurethane (PUR), thép không rỉ o Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO4, không chứa DEHP - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	2

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
285	SP285	N04.01.010	Cannula tĩnh mạch 1 nòng	<ul style="list-style-type: none"> - Phù chất chống đông máu Bioline - Thời gian sử dụng lên đến 30 ngày khi dùng với bộ phổi HLS - Bộ gồm cannula, dụng cụ đặt, dây hỗ trợ cố định ống, miếng dán cố định bằng nhựa - Các cỡ đường kính từ 19Fr đến 29Fr, chiều dài 38cm hay 55cm - Chất liệu của các chi tiết: o Cannula: polyurethane (PUR), thép không rỉ o Dụng cụ đặt: polypropylene (PP), không chứa phthalate, polyvinyl chloride (PVC-P) dẻo với BaSO4, không chứa DEHP - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	2
286	SP286	N04.01.050	Bộ chèn dưới da dùng cho cannula ECMO	<ul style="list-style-type: none"> Bộ gồm: ống nong 4 kích cỡ 12Fr/14Fr/16Fr/18Fr chất liệu polyethylene độ đặc cao (HDPE). Dây dẫn hướng (guide wire) cannula động mạch kích cỡ: đường kính 0,097 cm x chiều dài 100 cm, hướng cannula tĩnh mạch đường kính 0,097 cm x chiều dài 150 cm chất liệu thép không rỉ. Dao mổ nhỏ thép không rỉ , polystyrene . Kim tiêm, bơm tiêm 10ml 	Bộ	4
287	SP287	N07.01.212	Phổi Ecmo hỗ trợ tim phổi nhân tạo cấp cứu kèm dây dẫn	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian sử dụng phổi liên tục 30 ngày - Lưu lượng máu: + BE-HLS 7050: 0,5- 7 lít/phút + BE-HLS 5050: 0,5- 5 lít/phút - Lưu lượng khí: + BE- HLS 7050: 14 lít/phút + BE- HLS 5050: 10 lít/phút - Tích hợp cảm biến hồng ngoại giúp đo các thông số SvO2, Hematocrit, Hemoglobin, nhiệt độ tĩnh mạch Tven - Chất liệu của các chi tiết: + Sợi trao đổi khí: Polymethylpentene (PMP) + Sợi trao đổi nhiệt: Polyurethane (TPU) + Thân phổi: Polycarbonate (PC) + Bộ dây dẫn tuần hoàn đường kính 3/8 inch: polyvinyl chloride (PVC) không chứa DEHP, có phủ chất chống đông Bioline, tương thích với máy ECMO hiệu Maquet hiện có tại bệnh viện - Tiêu chuẩn: ISO 13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	2
288	SP288	N04.04.010	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	<ul style="list-style-type: none"> - Sản phẩm gồm có: 1 catheter 3 đầu chất liệu polyurethane 7Fr x 20cm có đầu cân quang, nắp tiêm phủ silicon (3 cái), kim dẫn đường chữ Y 18Gx6.5cm, dilator 8Fx10cm, kim tiêm 21G, dây dẫn đường 0,035"x60cm, 1 dao mổ #11, bơm tiêm 5ml, khớp nối để khâu cố định (2 cái) . không latex, có mã màu giúp xác định đầu ống dễ dàng. Distal 54ml/min, proximal 20ml/min, Medial: 20ml/min. 	cái	700
289	SP289	N04.02.060	Dây hút đàm nhớt có khóa (có nắp)	<ul style="list-style-type: none"> - Được sản xuất từ nhựa y tế, dây mềm, có chiều dài 500 mm, có 02 lỗ hình bầu dục nằm đối xứng hai bên thành ống dây cách đầu bo tròn - Một đầu dây được gắn khóa van điều chỉnh. - Tiệt trùng. *Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	120.000
290	SP290	N04.02.060	Dây hút dịch phẫu thuật đường kính trong 8mm, dài 2.0m	<ul style="list-style-type: none"> - Kích thước: dài 2.0m. Đường kính ống Ø8mm, chất liệu nhựa PVC trắng trong, có hai đầu nối, kích thước 38mm. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	46.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
291	SP291	N04.03.100	Dây nối máy bơm tiêm 140cm	- Chất liệu: Dây dài 140cm, được làm từ vật liệu nhựa y tế trong suốt. - Hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. Dây chống xoắn. đường kính trong 1.0mm đường kính ngoài 2.3mm, chịu áp lực 3,5 bar. - Không có chất DEHP. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE,ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	27.000
292	SP292	N04.03.030	Dây oxy 2 nhánh các cỡ	- Dây thở oxy hai nhánh, trong suốt, dùng cho người lớn chiều dài $\geq 1.8m$, được làm từ nhựa PVC mềm. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	54.000
293	SP293	N04.03.030	Dây oxy 1 nhánh các số	- Dây oxy 01 nhánh - Chất liệu: PVC - Size: : 8-16 - Chiều dài: 40cm. - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn: ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	3.600
294	SP294	N03.05.020	Dây thở dùng nhiều lần	- Dây thở 2 bẫy nước kèm ống nối rời. - Chất liệu silicon, bền và chịu nhiệt tốt. - Dùng trong thích cho máy thở 840/980. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	138
295	SP295	N04.01.020	Ống mở khí quản có bóng	- Ống làm bằng nhựa không chứa latex, không gây kích ứng, bề mặt ống trơn láng, đầu ống được bo tròn độ cong phù hợp với đường cong phế quản, bên trong ống có đường cân quang, bóng có thể tích lớn áp lực nhỏ, ống có chia báo vị trí đặt nội khí quản an toàn. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	93
296	SP296	N04.01.030	Ống nội khí quản có bóng các số	- Ống thông nội khí quản sử dụng một lần các số được làm bằng nhựa y tế. - Tiệt trùng.	Bộ	30.000
297	SP297	N03.07.010	Ống thông dạ dày	- Các cỡ 8-18. - Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016(hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	23.000
298	SP298	N04.01.090	Thông hậu môn các số	- Các số 22-28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	600
299	SP299		Dao cắt vi phẫu	- Làm bằng thép, với độ bền để cắt nhiều khối mà không làm mờ và sức mẻ. - Bên ngoài phủ lớp PTFE giảm ma sát khi cắt - Kích thước: 0,254x8x80mm - Góc cắt: 34° - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	1.150
300	SP300	N05.03.040	Dao siêu âm	- Dao siêu âm (dao hàn mạch, hàn mô) mở nội soi tích hợp công nghệ thích ứng mô, đường kính cán 5mm, chiều dài cán 36cm. - Tương thích với máy GEN11	cái	23
301	SP301	N05.03.040	Dao siêu âm	- Dao siêu âm mở mở tích hợp công nghệ thích ứng mô, cán dài 9cm. - Tương thích với máy GEN11	cái	67
302	SP302	N05.03.040	Dao siêu âm mở mở cán dài	- Dao siêu âm mở mở tích hợp công nghệ thích ứng mô, cán dài 17cm. - Tương thích với máy GEN11	cái	35
303	SP303		Dây dao dùng cho dao mổ hở	- Kết hợp với dao siêu âm và máy phát chính GEN11 (máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực) - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	4

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
304	SP304		Dây dao dùng cho dao nội soi	- Kết hợp với dao siêu âm và máy phát chính GEN11(máy cắt cầm máu kết hợp công nghệ siêu âm và công nghệ hàn mạch lưỡng cực) - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	2
305	SP305		Dây đốt điện mono	- Dao cắt đốt sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	58
306	SP306	N05.03.080	Lưỡi dao mổ	- Lưỡi dao mổ các số 10, 11, 12, 15, 20, 21 -Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	22.000
307	SP307		Khăn trải mổ 2,5 x 3,0m	- Khăn trải mổ - Kích thước: 2,5 x 3,0m - Tiêu chuẩn : ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	350
308	SP308		Tạp dề y tế 1,10m x 1,20m	- Tạp dề y tế 1,10m x 1,20m. - Tiêu chuẩn : ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	7.000
309	SP309		Màng mổ ioban có phủ. Kích thước băng 34cm x 35cm	Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur - Hàm lượng 0.117 -> 0.197 mg/cm ² kháng khuẩn phổ rộng. - Lớp film mỏng, co giãn tốt và dính chặt trên da và rìa vết mổ, cung cấp phẫu trường vô khuẩn. - Kích thước: băng 34cm x 35cm - Đóng gói vô trùng từng miếng -Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	100
310	SP310		Màng mổ ioban có phủ iodophur. Kích thước băng 56cm x 45cm	- Chất liệu: Lớp film Polyester resin phủ Iodophur (Hoặc tương đương). - Hàm lượng 0.117 -> 0.197 mg/cm ² kháng khuẩn phổ rộng. - Lớp film mỏng, co giãn tốt và dính chặt trên da và rìa vết mổ, cung cấp phẫu trường vô khuẩn. - Kích thước: băng 56cm x 45cm. - Đóng gói vô trùng từng miếng. - Tiêu chuẩn: CE/ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Miếng	100
311	SP311		Bàn chải phẫu thuật	- Bàn chải rửa tay phẫu thuật - Chất liệu: Nhựa y tế - Có thể tiệt trùng được - Lông bàn chải: bằng Nylon - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE,ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	600
312	SP312		Bình làm ấm Oxy	* Bình tạo ấm khí oxy (Làm sạch bầu không khí): - Dung tích bình làm ấm 180/200/250ml, có tích hợp lưới lọc sục khí. - Chất liệu bình làm ấm: Polycarbonat/ Plastic chịu nhiệt, có thể hấp khử trùng ở nhiệt độ 121 độ C - Có vạch chỉ thị mực nước làm ấm tối thiểu/ tối đa. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE,ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	365
313	SP313		Bộ chuông điện tim	- Điện cực hút ngực, jack Ø3mm tương tích chuẩn máy điện tim - Núm hình tròn, đường kính núm cao su là 26mm, - Chất liệu: Niken - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE,ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	28



STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
314	SP314		Bóp bóng người lớn, trẻ em các cỡ	- Bóp bóng: Làm bằng silicon. - Túi chứa khí: Làm bằng nhựa Polyvinyl clorua (PVC). - Đường thông khí: Dùng để mở miệng bệnh nhân và phòng ngừa lưỡi bệnh nhân bịt đường khí. - Dây nối oxy: Chiều dài 2 m. - Bóp bóng và mặt nạ dùng cho người lớn, trẻ em: có thể tiệt trùng bằng nồi hấp. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	460
315	SP315	N08.00.050	Bao Camera nội soi	- Màng nhựa PE chính phẩm, không có chất DEHP, có vòng nhựa. - Kích thước: 150 mm x 2,5 mét. - Tiệt trùng. 1 cái/ gói. - Tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 9001 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	12.000
316	SP316	N08.00.240	Que đũa lưỡi gỗ tiệt trùng	- Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Đạt độ cứng, nhẵn cao. - Tổng số nấm men + mốc < 2.0 x 10 ⁴ CFU/g; vi khuẩn hiếu khí < 2.0 x 10 ⁴ CFU/g - Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm. - Sản phẩm được tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	30.000
317	SP317		Đèn hồng ngoại	- Đèn hồng ngoại tập trung các tia sáng điện từ hồng ngoại, - Chiều cao đèn 1,7 mét, đế rộng 16cm, dây dẫn điện 1,8m được gắn chặt với nhau. - Cố định vị xoay linh động đến gần 360°, khoảng rộng 30cm+30cm, đuôi đèn ceramic sử dụng nhiều loại bóng đèn, vỏ đèn làm bằng inox, chóa đèn chất liệu nhôm. - Bóng đèn hồng ngoại, hình bầu dục, vỏ bóng tròn màu hồng hoặc màu đỏ hồng ngoại. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	58
318	SP318	N07.06.040	Đinh Kirschner	- Đinh Kirschner (hoặc tương đương), Chất liệu thép không gỉ. - Loại 1 hoặc 2 đầu nhọn, Có ren hoặc không ren. - Đường kính : 1.0 - 3.0mm, L 100-400mm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	690
319	SP319	N07.06.040	Đinh Kirschner có ren	- Đinh Kirschner (hoặc tương đương), Chất liệu thép không gỉ, - Loại 2 đầu nhọn, có ren. - Đường kính 1.0 - 3.0mm, L 100-300mm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	230
320	SP320	N07.06.040	Đinh Kirschner một đầu nhọn	- Đinh Kirschner (hoặc tương đương), Chất liệu thép không gỉ. - Loại 1 đầu có ren hoặc không ren. - Đường kính: các cỡ. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	230
321	SP321	N07.06.040	Đinh Steinmann các cỡ đầu nhọn/ đầu tam giác	- Đinh Steinmann (hoặc tương đương), Chất liệu thép không gỉ. - Loại đầu nhọn/ đầu tam giác. - Đường kính: 4.0/ 4.5/ 5.0mm, dài 80-300mm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	58
322	SP322	N03.05.060	Khoá ba ngã có dây dài 25cm	- Khoá ba ngã có dây dài 25cm. - Chống nút gãy & chịu được áp lực cao. - Không có chất DEHP. Vật liệu polyamide (hoặc tương đương). - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	35.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
323	SP323		Gel bôi trơn	- Gel bôi trơn - Thành Phần: + Hydroxyl ethyl Cellulose + Glycerin + Natri Benzoat - Dạng: Gel. Tuýp ≥ 82g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Hộp	1.500
324	SP324		Gel dẫn truyền điện cơ	- Gel dẫn truyền điện cơ = Gel Dẫn Truyền TEN20, - Kết dính điện cực và tăng dẫn truyền tín hiệu khi đo điện não đồ EEG hay đo điện cơ EMG. - Không có các hạt cứng, công thức giữ ẩm cho phép sử dụng lâu dài mà không cần tái chế để có thể sử dụng. - Không gây kích ứng da, có tác dụng kháng khuẩn. - Dùng cho theo dõi trong ECG - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	4
325	SP325		Gel siêu âm	- Gel siêu âm. - Sử dụng với tất cả các loại máy siêu âm. - Can: 5L.	can	360
326	SP326	N08.00.310	Mask gây mê người lớn các số 2, 3,4, 5	- Mặt nạ gây mê - Chất liệu: nhựa PVC, dùng 1 lần. - Có đệm viền mềm mại, chống rò rỉ - Có van kết nối bơm hơi. - Vòng móc có mã màu - Cỡ người lớn - Size: 2- 5 - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	100
327	SP327	N08.00.310	Mask khí dung người lớn và trẻ em	- Chất liệu: nhựa PVC - Mask với dây đeo đàn hồi - Kẹp mũi điều chỉnh được. - Dây dẫn dài 2m. - Bồng chứa thuốc - Size: S, M, L, XL - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	20.000
328	SP328	N08.00.310	Mask oxy có túi người lớn, trẻ em	- Chất liệu: nhựa PVC. - Mask với dây đeo đàn hồi - Kẹp mũi điều chỉnh được - Dây dẫn dài 2m - Van một chiều - Túi hơi dự trữ oxy - Size: S, M, L, XL - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485(hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	10.000
329	SP329	N08.00.310	Mask thanh quản số 3,4	- Mask thanh quản làm bằng vật liệu PVC y tế, bóng mềm mịn khít chặt với cổ họng. - Các cỡ. - Tiệt trùng, sử dụng 1 lần. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	230

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
330	SP330		Mặt nạ thở mũi - miệng	<ul style="list-style-type: none"> - Miếng đệm toàn mặt Silicon mềm - Có dây đeo - Các lỗ thông hơi có tiếng ồn thấp và thải CO2 tối đa - Cổng lấy mẫu cho phép đo áp suất hoặc ETCO2 - Van chống ngạt, tự động mở - Đầu nối xoay 360 độ - Dùng tương thích cho máy thở 840/980 - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	130
331	SP331	N02.03.080	Miếng xốp (foam) loại trung bình kích thước (20cm x12.5cm x 3cm)	<ul style="list-style-type: none"> - Xốp granufoam polyurethane, cấu trúc lỗ hồng mở 400-600 microns Bộ gồm : - Xốp Granufoam kích thước 18 x 12.5 x 3.2cm - Dây dẫn & đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực bù trừ để đảm bảo áp lực tại vết thương - Kẹp dây dẫn & đầu nối - 1 Băng dán cố định - Thước đo - Tương thích máy V.A.C Ultra/ InfoVAC/ ActiVAC (hoặc tương đương) 	Miếng	23
332	SP332	N02.03.080	Miếng xốp (foam) loại nhỏ kích thước (10cm x 8cm x 3cm)	<ul style="list-style-type: none"> Xốp granufoam polyurethane, cấu trúc lỗ hồng mở 400-600 microns Bộ gồm : - Xốp Granufoam kích thước 10 x 7.5 x 3.2cm - Dây dẫn & đầu nối có cảm biến cân bằng áp lực âm - Kẹp dây dẫn & đầu nối - 1 Băng dán cố định - Thước đo - Tương thích máy hút áp lực âm V.A.C Info , Active, Ultra (hoặc tương đương) 	Miếng	23
333	SP333		Ống nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Ống nghe tim phổi. Bao gồm chuông nghe và màng nghe. - Ống chữ Y nhựa. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	45
334	SP334		Que phết âm đạo	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ phết niêm dịch tế bào âm đạo. - Chất liệu: gỗ hoặc nhựa. - Dạng thanh dẹp, các góc cạnh trơn láng. - Kích thước 180 x 18 x 2 mm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Que	2.600
335	SP335		Hộp gòn nhỏ có nắp	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Inox, có nắp - Các cỡ: 5x7 cm; 7.5x6cm - Trọng lượng: ≥ 30gr - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	115
336	SP336		Bình kèm inox cao các cỡ 14cm - 25cm	<ul style="list-style-type: none"> - Bình kèm bằng inox - Bọc 1 cái - Kích thước: chiều cao các cỡ từ 14cm-25cm - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	70
337	SP337		Bình chứa dịch áp lực âm 300ml/500ml	<ul style="list-style-type: none"> - Bình chứa dịch có gel đông làm đặc dịch tiết & chất lỏng chứa trong bình, có sensor cảnh báo bình đầy, có đầu tích hợp lắp nhanh vào máy hút áp lực âm. - Kích thước : bình 300ml/ 500ml. - Tương thích máy hút áp lực âm (hoặc tương đương). 	Cái	50

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
338	SP338		Bồn hạt đậu 20cm	- Còn gọi là khay hạt đậu. - Chất liệu: Inox 304. - Dài 20cm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
339	SP339		Bồn hạt đậu 400ml	- Còn gọi là khay hạt đậu. - Chất liệu: Inox 304. - Kích thước 400ml (19,5 x8x3,5) - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
340	SP340		Cây treo dịch truyền	- Cây treo dịch truyền, chất liệu inox. - Chiều cao (điều chỉnh được): 1.0 - 1.8 m. - Trụ inox ϕ (24-25.4) x 1.0 mm. - Chân inox. - 04 bánh xe nhựa. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	107
341	SP341		Chén chun Inox	- Chén chun Inox. - Đường kính : 8cm- 22cm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 .	Cái	240
342	SP342		Cân có thước đo	- Trọng lượng cân được 0,5 kg - 120kg. - Chiều cao đo được: 70-190cm - Có kiểm định - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	4
343	SP343		Cân sức khô	- Trọng lượng cân được 0,5 kg - 120kg. - Chiều cao đo được: 70-190cm - Có kiểm định - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	6
344	SP344		Đèn đọc 1 film	- Đèn đọc 01 film y khoa (CT, MRI, X-Quang). - Kích thước: 45cmx38cm. - Bóng led, khung inox 20. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	3
345	SP345		Đèn gù	Sử dụng nguồn điện: 220-240V - 50Hz - Công suất: 0 - 250W - Có núm điều chỉnh tăng giảm cường độ tùy theo loại bệnh điều trị.. - Dây nguồn: 3,6m. - Điều chỉnh chiều cao từ 1m-1,7m. - Cố định vị xoay linh động đến gần 360o - Đuôi đèn ceramic, sử dụng nhiều loại bóng đèn khoảng rộng 30cm + 30cm - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	35
346	SP346		Đèn tiểu phẫu công nghệ led	- Sử dụng nguồn điện: 220-240V - 50Hz. - Bóng đèn: Diod 3,2V. - Chóa đèn: phản quang hội tụ tích hợp 15 đơn vị không gây nhiệt. - Cố định vị xoay linh động đến gần 360o, khoảng rộng 30cm + 30cm. - Độ sáng: 18000 lux. Công tắc - Dây nguồn: 3m6. - Điều chỉnh chiều cao: từ 1m - 1,7m - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	3

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
347	SP347		Đồng hồ Oxy	- Đồng hồ Oxy (có đồng hồ đo + điều chỉnh lưu lượng + bình tạo âm) - Tương thích với các bình Oxy y tế. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	6
348	SP348		Hộp inox có nắp các cỡ	- Hộp inox có nắp các cỡ. - Kích thước: 19x33x7cm; 11x23x7cm; 4x12x3 cm; 19x 33x 7; 10 x20 x7; 30x40x7; 12 x25 x7cm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	58
349	SP349		Mâm inox 22x32x2cm	- Mâm đựng dụng cụ, bằng inox. - Kích thước: 22x32x2cm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	115
350	SP350		Nệm giường bệnh	- Kích thước: D 190cm x R 90cm x C 6cm. - Chất liệu: mút bọc simily không thấm nước không xẹp. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	460
351	SP351		Nệm xe đẩy bệnh nhân nằm	- Kích thước: D 190cm x R 60cm x C 6cm - Chất liệu: mút bọc simily không thấm nước không xẹp. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).G336	Cái	345
352	SP352		Nhiệt ẩm kế tự ghi	- Đơn vị nhiệt độ °C. - Độ chính xác ±3%RH; ±0.5°C (-20°C ~ +40°C), ±1.0°C(Phạm vi khác). - Phạm vi đo:Độ ẩm: 0%~100%RH. - Nhiệt độ : -30°C ~ 60 °C. - Độ phân giải Độ ẩm: 0.1%RH. - Nhiệt độ: 0.1°C (thông thường). - Dung lượng bộ nhớ ≥ 30,000 điểm đọc, pin khoảng 1 năm. - Xuất dữ liệu qua cổng USB 2.0 - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	12
353	SP353		Nhiệt kế điện tử đo trán	- Đo nhanh chóng trong 1 giây. - Phạm vi đo: - Chế độ đo trán: Từ 34.0°C đến 42.2°C. - Nguồn điện: sử dụng pin - Tuổi thọ của Pin khoảng 2000 lần đo. - Lưu 10 lần đo. - Báo tình trạng sốt (với tiếng bíp,...). - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
354	SP354		Nhiệt kế điện tử đo trực tràng, nách	Vị trí đo: miệng, nách, hậu môn - Thời gian đo: nách 120 giây, miệng 80 giây và hậu môn 60 giây. - Hiện thị nhiệt độ: độ C - Bộ nhớ: Lưu kết quả đo trước - Độ chính xác: + 0.1°C (32 - 42.0°C) - Phạm vi đo: từ 32.0 đến 42.0°C. - Chức năng âm thanh: có - Không thấm nước. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	69

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T-T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
355	SP355		Tủ thuốc INOX	- Kích thước: Dài 800 x rộng 400 x cao 1600 mm. - Chất liệu: Inox, kính. - Mặt sau lưng và 2 bên hông tủ inox tấm dày 0.5 mm, G34302 cánh tủ inox tấm dày 1mm - Kính dày 5mm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	46
356	SP356		Xe đẩy bệnh nằm	- Xe đẩy bệnh nhân nằm hay xe cáng dùng để chuyển bệnh nhân trong bệnh viện. + Có nâng đầu. + Có đệm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	115
357	SP357		Xe đẩy bệnh ngồi	- Xe đẩy bệnh nhân, loại ngồi. - Chất liệu: Bằng inox có bánh xe di chuyển và phanh hãm + Khung xe và 4 bánh xe + Khung xe làm bằng thép mạ crom. + Thanh gác chân và gác tay cố định. + G344Tấm đệm tay được bọc da. + Tấm đế chân được làm bằng nhôm đúc. + Có khóa bánh cho bệnh nhân điều khiển. + Phần ghế ngồi được lót đệm. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	135
358	SP358		Xe đẩy máy điện tim	- Xe đẩy máy điện tim. - Kích thước: 30*40 có học - Vật liệu: inox 304 dày 1 mm, cao 800 mm, xe gồm 2 tầng: - Xe đẩy máy điện tim có cân + chất liệu inox, + có khay để + có 4 bánh + có giá đỡ + có cần kéo cao + tay vịn dùn + giỏ đựng đồ - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	12
359	SP359		Xe thay băng inox 2 tầng 40x60 không học	- Xe thay băng inox 2 tầng. - Kích thước: 40x60 cm, không học. Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	58
360	SP360		Xe tiêm thuốc 2 tầng có học 40x60 cm	- Xe tiêm thuốc 2 tầng, có học, - Kích thước: 40x60 cm - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	23
361	SP361		Máy cạo vòi Woodpecker	- Nguồn điện đầu vào: Với máy biến áp 220-240V ~50HZ / 60HZ 150mA. - Tần số rung: 28kHz + 3kHz. - Công suất đầu ra: 3W đến 20W.Áp lực nước: 0,01MPA đến 0,5MPA - Chế độ hoạt động: Hoạt động liên tục. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	4

NH V
 KH
 UNG T
 4 GIA

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
362	SP362		Máy châm cứu	<ul style="list-style-type: none"> - Phụ trợ dò tìm huyết trên cơ thể người. - Có 5 dạng xung (ứng với các công dụng trị liệu khác nhau) để lựa chọn: Sóng liên tục, Sóng không liên tục, Sóng nén, Sóng dao động lên xuống, Sóng tắt mở. - Tần số xung điện dao động từ 1,2Hz - 55Hz và bề rộng của bước sóng từ 0,6ms. - Nguồn đầu vào ít hơn 20VA. 6 kênh đầu ra kích thích 12 điểm cùng 1 lúc điều chỉnh cường độ xung, chức năng hẹn giờ từ 0-60 phút+10%. - Kích thước máy 220 x 170 x 75mm. - Phụ kiện gồm 1 máy chính, 1 cáp nguồn, 5 cáp đầu ra, 2 dán điện cực, 1 bút dò huyết - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	6
363	SP363		Máy đo huyết áp điện tử	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đo huyết áp tự động. - Phương pháp đo: Đo dao động. Giới hạn đo: Huyết áp: 0 tới 299 mmHg. - Nhịp tim: 40 tới 180 nhịp/phút. Tự động bơm và xả khí. - Độ chính xác: Huyết áp: ± 3mmHg, Nhịp tim: $\pm 5\%$ kết quả đo. - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	17
364	SP364		Máy đo huyết áp người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu hình huyết áp model 500 khoảng đo từ 0 đến 300mmHg - Đồng hồ đo áp lực có kim định vị ở mức số 0 - Độ chính xác ± 3mmHg - Hệ thống bơm khí vòng hơi được làm bằng vải, may viền cao su bên trong, + quả bóng cao su + Có van điều chỉnh - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	23
365	SP365		Máy đo SpO2 đầu ngón tay	<ul style="list-style-type: none"> - Phạm vi hiển thị SpO2: 35% ~ 99%. - Độ chính xác SpO2 + 80% ~ 99% ($\pm 2\%$); + 70% ~ 80% ($\pm 3\%$); + < 70%. - Độ chính xác PR: ± 2 bpm hoặc $\pm 3\%$. - Độ phân giải SpO2 1% và bpm 1 bpm - Nguồn cung cấp: 2 pin AAA - Tuổi thọ khoảng 22 giờ hoạt động - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Cái	58
366	SP366		Máy phun khí dung loại lớn	<ul style="list-style-type: none"> Cấu hình máy: + 01 máy nén khí, + 01 cốc thuốc, + 01 ống dẫn khí, + 01 ống ngậm, + 01 mặt nạ người lớn. - Dung tích cốc thuốc: tối thiểu 2ml- tối đa 7ml. - theo tiêu chuẩn MMAD (hoặc tương đương). - Hiệu suất máy :7l/ phút @100kPa - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc tương đương) - Tốc độ phun thuốc: 0.4 ml/ phút. - Hiệu suất khí dung 0.57ml (2ml, 1%NaF). - Kích thước hạt trung bình khoảng 3μm 	cái	46
367	SP367	N01.02.010	Dung dịch rửa tay diệt khuẩn dùng trong ngoại khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Thành Phần: Chlorhexidine digluconate 4%, chất giữ ẩm - Chai 500ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Chai	2.133

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
368	SP368	N01.02.010	Dung dịch rửa tay sát khuẩn	- Thành phần: Chlorhexidin gluconate 0.5%; Alpha-Terpineol 0.5%; Ethanol; Vitamine E; Tá dược dưỡng da. - Chai 500 ml - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	3.467
369	SP369	N01.02.020	Dung dịch làm mềm vết thương loại bỏ biofilm	- Dung dịch làm sạch, làm ẩm với các vết thương cấp, mãn tính, ngăn ngừa màng sinh học (Biofilm) - Thành phần: Dung dịch Betaine 0,1%; Polyhexanide 0,1% làm sạch. - Chai: 350ml	Chai	427
370	SP370		Javel 10%	- Sodium hypochloite NaClO 10%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lít	227
371	SP371		Ceivitron	- Thành phần: Bột oxyd kẽm 12%. - Lọ : 30 g. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	60
372	SP372		Composit đặc	- Composite đặc, đa dạng màu sắc, phù hợp với trám răng trước và cả răng sau. - Màu: A2; A3; A3,5;A4. - Lọ: 6g. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	120
373	SP373	N01.02.030	Cồn 90 độ	- Thành phần: Ethanol 90%. - Can 30 lít. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lít	2.307
374	SP374	N01.02.030	Cồn tuyệt đối 99,5	- Công thức: C2H5OH. - Không màu - pH : 7 - Độ tinh khiết: ≥ 99.5% - Chai : 1 lít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485(hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lít	427
375	SP375		Hematoxyline	- Thành phần gồm có: Nước + Hematoxylin + Muối Aluminum + Select Glycols + Select Acid - Chai ≥ 500 ml - Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	10
376	SP376		Hóa chất nhuộm tế bào	- Hóa chất nhuộm tế bào. - Được sử dụng trong bộ nhuộm papanicolaou. - Màu nhuộm bảo tương sáng, có thể điều chỉnh cường độ màu. - Chai ≥ 1000ml. - Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	4
377	SP377		Hóa chất nhuộm tế bào EOSIN Y	- Bắt màu nhanh, phân định thành phần tế bào rõ nét, không lẫn lộn màu tế bào nhân và tế bào chất - Chai: 473ml - Đạt Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	4
378	SP378		OG 6	- Được sử dụng để nhuộm các tế bào vảy bề mặt như tế bào bề mặt âm đạo, cổ tử cung, đờm, cũng như các chất tiết cơ thể khác. - Chai ≥ 500ml - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	3
379	SP379		Dầu soi kính hiển vi	- Immersion oil, chai 500ml.	Chai	23
380	SP380		Dầu Parafin	- Độ nhớt ở 40 độ C: 10,5-13,5cst. - Hàm lượng nước không quá 50PPM. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485(hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lít	6

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
381	SP381		Formol	- Công thức phân tử HCHO. - Nồng độ: 37-40%. - Dùng để làm chất cố định bệnh phẩm. - Chai: 1 lít. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	14
382	SP382		Oxyt Kẽm	- Vật liệu trám răng bít ống tùy - Oxide kẽm nguyên chất - Không chứa thạch tín - Lọ 110g - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	18
383	SP383		Xylene	- Công thức phân tử C ₆ H ₄ (CH ₃) ₂ , dùng trong quá trình xử lý (chất làm trong sáng mỡ) và nhuộm (chất khử sáp). - Chai 500ml - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Chai	173
384	SP384		Bình thông phổi Siphonage đơn	- Bình dẫn lưu dịch màng phổi 2 buồng cấu tạo. - Vật liệu PVC y tế. - Buồng chứa mẫu dung tích 1600ml. - Buồng kín có nước. - Đóng gói tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	1.333
385	SP385	N04.04.010	Catheter động mạch quay 18G/20G.	- Catheter động mạch Arline bao gồm - Catheter Polyurethane cân quang nhạy nhiệt 20G dài 4.5cm hoặc 8cm; 18G dài 8cm hoặc 12cm ống bọc ngoài đầu tips chống xoắn. - Guide wire 0.021"x 20cm (20G); 0.035"x 50cm (18G). - Kim dẫn thẳng 20Ga x 4cm; 18Ga x 7cm. - Bơm tiêm 2.5cc, 5cc - Tốc độ dòng 18Ga x 8cm - 66.2ml/phút; 18Ga x 12cm - 53.3ml/phút; 20G x 4.5cm - 23ml/phút, 20G x 8cm - 18ml/phút. - Vô trùng, không latex. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	800
386	SP386	N03.07.070	Lọ hút dịch phế quản	- Lọ lấy mẫu đàm gồm 4 thành phần: 2 dây với 1 dây hút chính có van kiểm soát, 2 lỗ hút không đối nghịch. - Lọ đựng mẫu có vạch chia thể tích, có thêm nắp vận để đóng lại sau khi hút. - Thể tích lọ lấy mẫu 25ml, dây hút dịch dài 55cm, dây nối dài 47cm tương ứng các size 8, 10, 12, 14FG - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Cái	4.700
387	SP387		Ống cai thở chữ T	- Co T được thiết kế để hoàn nguyên oxy cung cấp cho bệnh nhân qua co nối nội khí quản bệnh nhân 15mm hoặc mặt nạ thanh quản. - Cổng 7.6mm để hút dịch không nắp. - Bộ bao gồm co T có cổng oxy, ống dây uốn cong 22mm- 15cm, tay quay (stem) oxy có nắp. - Có sẵn sự lựa chọn van venturi 40% hoặc 60%, dây oxy 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	1.500

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
388	SP388	N04.03.030	Bộ dây thở oxy chữ T	- Dây làm bằng vật liệu PE - Gồm 2 đoạn: 2 Ống trong suốt Ø22mm, Ø15mm. Làm bằng vật liệu PE - 1 Đầu nối xoay luer lock cong 90 độ (22M/15F- 15M) - 1 Co nối chữ Y (22F-22M) - 4 Co nối thẳng (22F-22M) - 2 ống co giãn dài 160cm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Bộ	8.300
389	SP389	N03.07.040	Túi cho ăn trọng lực	- Túi cho ăn chất liệu PVC, dung tích 1200ml có móc treo, có dây truyền. - Bộ chuyển đổi kết nối trực tiếp với túi. - Sản phẩm vô trùng để sử dụng một lần. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	6.500
390	SP390	N01.02.020	Gel hỗ trợ điều trị vết thương	- Thành phần: Muối natri của acid hyaluronic 0.2%.	Hộp	200
391	SP391	N01.02.020	Dung dịch hỗ trợ điều trị vết thương	- Thành phần: Muối natri của acid hyaluronic 0.25%, Bạc kim loại, vitamin E, kaolin	Hộp	40
392	SP392	N01.02.020	Kem điều trị vết thương	- Kem điều trị vết thương. - Thành phần: Muối natri của acid hyaluronic 0.2%, Bạc sulfadiazin 1%.	Hộp	200
393	SP393		Giấy thấm chất thử (chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiết khuẩn dụng cụ y tế bằng hơi nước	- Chỉ thị hóa học đa thông số (nhiệt độ, thời gian, áp suất) kiểm tra chất lượng tiết khuẩn gói dụng cụ nhóm 5 (class 5) dùng cho quy trình tiết khuẩn hơi nước 132 - 134°C và 121°C. - Thành phần: Giấy 75%, Salicylamide 2-3%, Polypropylene 4%, Nhôm: 8% - Kích thước: 5.1 x 1.9cm. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	miếng	5.000
394	SP394	N03.07.010	Dây nuôi ăn dạ dày dài ngày	- Chất liệu Polyurethane, có thể lưu ống 29 ngày. - Có công nối chữ Y. - Chiều dài 91cm.	Cái	2.400
395	SP395	N04.01.020	Ống mở khí quản hai nòng các cỡ, có bóng có cửa sổ	- Lưu 29 ngày, 2 nòng riêng biệt, có bóng có cửa sổ. - Có lỗ cửa sổ phía trên bóng - Số 4(OD = 9.4mm; ID = 5.0mm, độ dài ống 65mm, đường kính bóng 20mm). - Số 6(OD = 10.8mm, ID = 6.4mm, độ dài ống 76mm, đường kính bóng 24mm). - Số 8 (OD = 12.2mm, ID =7.6mm, độ dài ống 81mm, đường kính bóng 27mm).	cái	130
396	SP396	N05.03.050	Dây cưa xương	- Chất liệu bằng thép, dài 400mm, sợi mỏng, bén.	sợi	270
397	SP397	N02.01.040	Băng cá nhân	- Vải Viscose và Polyamide co giãn, không thấm nước. - Đệm thấm dịch Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính. - Keo Oxyd kẽm không dùng dung môi. - Kích thước: 19mm x 72mm. - Tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	miếng	450.000
398	SP398	N03.02.080	Kim tiêm	- Kim: được làm bằng thép không gỉ mạ Crom hoặc Niken. - Đầu kim vát 3 cạnh. - Thân kim được phủ Silicone. - Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim. - Sản phẩm đóng gói trong túi riêng, tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	1.000.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
399	SP399		Que thử nhanh đường huyết	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu thử: thể tích lấy mẫu 0.5 µL. - Công nghệ sản xuất men (enzyme): Glucose Dehydrogenase (GDH-FDA). - Thời gian đo: 5 giây - Phạm vi đo lường Glucose: 20~600 mg/dL, độ phân giải 1 mg/dL (0.1mmol/L). - Thành phần hóa học: mỗi que thử đường huyết chứa 1.5U Glucose Dehydrogenase (FAD), 0.08 mg Kali ferricyanide và 0.07 mg thành phần không phản ứng. đóng gói riêng biệt từng que trong bao bì bằng nhôm và 50 kim được đóng kín tiệt trùng trong cùng một gói. - Cung cấp máy khi trúng thầu 	Bộ	250.000
400	SP400		Bộ thử nhanh đường huyết	<ul style="list-style-type: none"> - Que thử thiết kế dạng hình khối dễ cầm, có đầu hút dạng vòi, đóng gói riêng lẻ từng cái nằm bên trong nút nhựa có màng phim bảo quản tránh ẩm và oxy hóa. Sử dụng men Glucose Oxidase & Peroxidase, không bị ảnh hưởng đường malto và oxy hòa tan. Đo được máu mao mạch, tĩnh mạch. Thể tích mẫu máu khi đo 0.8µL. Sử dụng cho máy đo đường huyết bằng phương pháp quang học có chùm tia kép. - Kim lấy máu: kim hoàn toàn nằm trong vỏ nhựa (không chứa Latex và PVC) nên không bị kim đâm trong quá trình sử dụng hoặc dính mẫu máu do đó ngăn ngừa lây nhiễm chéo. Nòng kim rỗng, đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Độ sâu thâm nhập khi lấy mẫu máu từ 0.3mm đến 1.8mm. - Đóng gói riêng lẻ từng cái. - Cung cấp máy khi trúng thầu 	Bộ	120.000
401	SP401		Đầu nối kim luồn không sử dụng kim, có van an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu nối trung gian không sử dụng kim có van an toàn. - Van thiết kế cơ chế vách ngăn đôi, mặt van phẳng để sát trùng, đóng kín trước và sau tiêm truyền mà không cần dùng kim. - Vỏ ngoài và ống canula bên trong của đầu nối làm bằng chất liệu Polycarbonat; vách ngăn bằng silicon, không chất Latex và DEHP. - Thể tích môi: 0,04ml. Lưu lượng dòng chảy: 165ml/phút. Chịu được áp lực tối đa 400 psi. - Thời gian lưu # 7 ngày, # 700 lần thao tác. - Đầu kết nối xoắn, Tương thích các loại catheter, dây nối, đảm bảo không rò rỉ. - Tiệt trùng. 	cái	2.000
402	SP402	N03.05.010	Dây truyền dịch 20 giọt/ml dài 180cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây ≥ 180cm. - Đường kính trong dây ≥ 3 mm. đường kính ngoài ≥ 4.1 mm. - Có bầu đếm giọt 2 ngăn cứng - mềm. - Chịu được áp lực đến 2 bar. - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn tại van thông khí. - Màng lọc dịch 15 µm. Có công tắc chữ Y - Đầu khóa vặn xoắn Luer Lock. - Chất liệu PVC, Không có chất phụ gia DEHP - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016, EC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	300.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
403	SP403	N03.05.010	Dây truyền dịch 20 giọt/ml dài 180cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dây ≥ 180 cm. - Đường kính trong dây ≥ 3 mm, đường kính ngoài ≥ 4 mm. - Chịu được áp lực ≥ 200 Kpa - Có vent lọc khí - Có màng lọc 46- 48 microns được đặt ở cuối đường dây - Đầu nối vận xoắn Luer Lock, xoay được 360 độ. - Có cổng tiêm chữ Y. - Chất liệu PVC, không DEHP - Tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: EN ISO 13485:2016, EC, FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương) 	Bộ	100.000
404	SP404	N03.03.070	Kim gây tê, gây mê các loại, các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> - Kim G21 dài 100mm, cách điện, thân kim có chia vạch. Chuôi kim trong suốt, có nhiều rãnh, có dây nối để bơm thuốc. - Dùng được với máy kích thích thần kinh Stimuplex. - Tiêu chuẩn ISO, EC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	1.200
405	SP405	N03.02.070	Kim luồn mạch máu an toàn cỡ 18G-24G	<ul style="list-style-type: none"> Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh có cửa bơm thuốc, có đầu bảo vệ kim loại có dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo, vật liệu FEP hoặc Teflon, lưu giữ trong mạch máu ≥ 72h. - Đầu kim 3 mặt vát. - Catheter nhựa có các đường cân quang tương phản trong thân ống thông được sử dụng để chụp MRI, tấm xốp vi lọc ở cuối trục kim giúp ngăn máu chảy ngược. - Kim luồn có cánh, có cửa, - Kích cỡ: 18G (đường kính 1.2 - 1.5mm; chiều dài 3.2 - 4.5cm), 20G (đường kính 1.0 - 1.3mm; chiều dài 3.2 - 3.8cm), 22G (đường kính 0.9 - 1.0mm; chiều dài 1.9 - 2.5cm), 24G (đường kính 0.6 - 0.9mm; chiều dài 1.7 - 1.9cm). Tốc độ dòng chảy: 22 - 96ml/phút - Tiêu chuẩn chất lượng: EC, ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	cái	200.000
406	SP406	N03.02.070	Kim luồn tĩnh mạch an toàn có cánh, không cổng cỡ 18G-24G	<ul style="list-style-type: none"> - Kim luồn an toàn có cánh không cổng - Catheter chất liệu bằng Polyurethane hoặc teflon, lưu giữ trong mạch máu ≥ 72h. - Đầu kim 3 mặt vát, phủ silicone. - Đầu bảo vệ 2 lớp - Có 3-6 đường cân quang thiết kế đan xen trong lòng catheter Tốc độ dòng chảy: 17-81 ml/ phút. - Không DEHP, LATEX, PVC. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, EC. - Tiệt trùng EO 	cái	80.000
407	SP407	N02.04.050	Vật liệu cầm máu tự tiêu 10x 20cm	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu cầm máu dạng lưới mềm tự tiêu, bằng sợi Rayon cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose), đường kính đồng nhất 20μm, trọng lượng 6.2 mg/cm², kích thước 10 x 20cm, có tính diệt khuẩn, độ pH thấp (2,4), tự tiêu sau 7 - 14 ngày, - Tiêu chuẩn CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	miếng	200
408	SP408	N02.04.050	Miếng cầm máu 80x50x10	<ul style="list-style-type: none"> miếng bọt biển gelatin có thể hấp thụ máu, Không có cholesterol và chất bảo quản, PH trung tính. Hấp thụ gấp 50 lần trọng lượng sản phẩm. Tiệt trùng. 	miếng	1.000

T
Đ
Đ
A
T
A
N

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
409	SP409	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn số 1, dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 1 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ AISI 302. - Lực thắt nút: 5,08 Kgf Được khử trùng. Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	6.000
410	SP410	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn số 2/0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium.	- Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, , phủ silicon và thép không gỉ AISI 302. - Lực thắt nút: 2,68 Kgf - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	2.400
411	SP411	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn số 3/0, dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C	- Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ. - Lực thắt nút: 1,77 Kgf - Được khử trùng . - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	3.500
412	SP412	N05.02.090	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin có chất kháng khuẩn số 4/0 dài 75cm kim tròn 26mm, 1/2C	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin, có chất kháng khuẩn Triclosan số 4/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium,, phủ silicon và thép không gỉ AISI 302. - Lực thắt nút: 0,95 Kgf Được khử trùng . Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	2.400
413	SP413	N05.02.090	Chỉ tan đa sợi Polyglycolic acid số 1	- Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone, số 1, dài 90cm, kim tròn 1/2C, 40mm - Độ bền kéo nút thắt $\geq 78.4N$ đạt 154% so với USP. - Lực tách kim và chỉ $\geq 35.2N$ đạt 196% so với USP. - Kim làm bằng thép không gỉ 300 series. Đường kính kim từ 0.78 đến 1.28mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	10.000
414	SP414	N05.02.090	Chỉ tan đa sợi Polyglycolic acid số 2/0	- Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone, số 2/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm - Độ bền kéo nút thắt $\geq 43.6N$ đạt 163% so với USP. - Lực tách kim và chỉ $\geq 21.1N$ đạt 192% so với USP. - Kim làm bằng thép không gỉ 300 series. Đường kính kim từ 0.68 đến 1.28mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	1.600
415	SP415	N05.02.090	Chỉ tan đa sợi Polyglycolic acid số 3/0	- Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone, số 3/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 26mm - Độ bền kéo nút thắt $\geq 25.1N$ đạt 142% so với USP. - Lực tách kim và chỉ $\geq 14.4N$ đạt 212% so với USP. - Kim làm bằng thép không gỉ 300 series. Đường kính kim từ 0.58 đến 0.78mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA	Tép	3.300
416	SP416	N05.02.090	Chỉ tan đa sợi Polyglycolic acid số 4/0	- Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ epsilon-caprolactone, số 4/0, dài 75cm, kim tròn 1/2C, 18mm - Độ bền kéo nút thắt $\geq 14.3N$ đạt 151% so với USP. - Lực tách kim và chỉ $\geq 9.4N$ đạt 208% so với USP. - Kim làm bằng thép không gỉ 300 series. Đường kính kim từ 0.43 đến 0.58mm - Tiêu chuẩn chất lượng: CE và FDA	Tép	1.600

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
417	SP417	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi Polypropylene, số 0 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C.	- Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 0 dài 90cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ. - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	1.500
418	SP418	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C.	- Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 2/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ. - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	1.200
419	SP419	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C.	- Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 3/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ. - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	1.200
420	SP420	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C.	- Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 4/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ. - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	2.400
421	SP421	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi Polypropylene, số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn 13mm, 1/2C.	- Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 5/0 dài 75cm, 2 kim tròn 13mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ. - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	400
422	SP422	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đa sợi Polypropylene, số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn 13mm, 1/2C.	- Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 6/0 dài 75cm, 2 kim tròn 13mm, 1/2C, kim Premium, phủ silicon và thép không gỉ. - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn FDA, FSC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	400
423	SP423	N05.02.030	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 7/0	- Chỉ phẫu thuật không tự tiêu tổng hợp đơn sợi Polypropylene, số 7/0 dài 75cm, kim tròn 26mm, 1/2C, kim Premium. - Được khử trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	933
424	SP424	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 1 dài 90cm, kim tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép có phủ silicone, dài 40mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	1.200
425	SP425	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 3/0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 3/0 dài 70cm, kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim bằng thép có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	333
426	SP426	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 2/0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số 2/0 dài 70cm, kim tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày, thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	Tép	333
427	SP427	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 1	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, chỉ số 1, dài 90cm, kim tròn có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép có phủ silicone, dài 40mm, 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày.	Tép	667

NH
 VHI
 KH
 NG
 GIA

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
428	SP428	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 2/0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0 dài 75cm, kim tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	120
429	SP429	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 3/0	- Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0 dài 75cm, kim tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Lực căng giữ vết thương 75% sau 14 ngày, 50% sau 21 ngày, 25% sau 28 ngày. - Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 56-70 ngày. - Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương)..	Tép	240
430	SP430	N05.02.090	Chỉ phẫu thuật số 2/0	- Chỉ tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 2/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taper Point SH, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép có phủ silicone, dài 26mm 1/2 vòng tròn. - Lực căng giữ vết thương: 60% sau 7 ngày 30% sau 14 ngày. Thời gian tự tiêu hoàn toàn: 90 - 120 ngày.	Tép	120
431	SP431	N05.02.050	Chỉ phẫu thuật số 4/0	- Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Polydioxanone số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn dài 20mm 1/2 vòng tròn, bằng hợp kim, được phủ bởi lớp silicone, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim. - Lực giữ vết mổ 60% sau 2 tuần - 40% sau 4 tuần - 35% sau 6 tuần, thời gian tan hoàn toàn 182 - 238 ngày	Tép	3.067
432	SP432	N05.02.030	Chỉ khâu Silk số 1 + kim tròn	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 4.50 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	800
433	SP433	N05.02.030	Chỉ không tan tự nhiên silk 2/0 + kim tam giác	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 24 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 2.40 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016.	Tép	180
434	SP434	N05.02.030	Chỉ không tan tự nhiên silk 2/0 + kim tròn	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 2.40 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	1.600
435	SP435	N05.02.030	Chỉ không tan tự nhiên silk 3/0 + kim tam giác	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 1.35 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	6.000
436	SP436	N05.02.030	Chỉ không tan tự nhiên silk 3/0 + kim tròn	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 1.35 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	6.000
437	SP437	N05.02.030	Chỉ không tan tự nhiên silk 4/0 + kim tròn	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 0.48 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	600
438	SP438	N05.02.030	Chỉ không tan tự nhiên silk 5/0 + kim tam giác	- Chỉ không tan tự nhiên silk số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 0.46 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	2.400
439	SP439	N05.02.030	Chỉ khâu Nylon 2/0 + kim tam giác	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 4.20 kgf. - Tiêu chuẩn ISO13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	180
440	SP440	N05.02.030	Chỉ nylon số 3/0, dài 75cm, kim tam giác 3/8C, dài 20mm	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 20 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 2.0 kgf. - Tiêu chuẩn ISO13485:2016	Tép	38.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
441	SP441	N05.02.030	Chỉ khâu Nylon 4/O + kim tam giác	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 19 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 1.20 kgf. - Tiêu chuẩn ISO13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	70
442	SP442	N05.02.030	Chỉ khâu Nylon 5/O + kim tam giác	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 0.80 kgf - Tiêu chuẩn ISO13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	70
443	SP443	N05.02.030	Chỉ khâu Nylon 10/O + 2 kim hình thang	- Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. Kim thép 302 phủ silicon, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 0.038 kgf. - Tiêu chuẩn ISO13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	600
444	SP444	N05.02.070	Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7, kim tam giác dài 120mm	- Chỉ thép khâu xương bánh chè số 7, dài 60 cm, kim tam giác 1/2c, dài 120 mm. Kim thép 302 phủ silicon sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 46.20 kgf.	Tép	400
445	SP445	N05.02.050	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1 + kim tròn	- Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 5.7 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	230
446	SP446	N05.02.050	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0 + kim tròn	- Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 3.0 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	600
447	SP447	N05.02.050	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0 + kim tròn	- Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 2.25 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	1.800
448	SP448	N05.02.050	Chỉ khâu Chromic 3/O + kim tam giác	- Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 2.25 kgf - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	400
449	SP449	N05.02.050	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0 + kim tròn 26mm	- Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 1.2 kgf - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Tép	1.200
450	SP450	N05.02.050	Chỉ khâu Chromic 4/O + kim tam giác (75cm, 16mm, 3/8 C)	- Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 302 phủ silicon. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chỉ có lực căng đứt ≥ 1.2 kgf. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Tép	667
451	SP451		Dầu soi kính hiển vi	- Dầu soi kính hiển vi. - Chai 500ml.	Chai	5
452	SP452		Sáp Parafin	- Sáp Paraffin, được sử dụng trong ngấm và đúc mẫu và được cung cấp dưới dạng hạt. - Thành phần paraffin tinh khiết. Không có DMSO. - Độ dày mẫu cắt xuống đến 2 μ m. - Cung cấp dải nhiệt độ rộng từ 56°C đến 62°C.	kg	180
453	SP453	N08.00.050	Bao dây đốt nội soi	- Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm.- Kích thước: 7.5cm x 235cm - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	15.000
454	SP454		Hộp phân liều thuốc 3 ngăn	- Chất liệu nhựa PPC nguyên chất. - Kích thước 6.5cm x 23.5cm. - Kích thước ngăn đựng thuốc: (43x48x12)mm, chia làm 3 ngăn (sáng, trưa, tối). - Có nắp đậy kéo ra đẩy vào dễ dàng. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	70.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T-T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
455	SP455	N07.06.050	Đai Desault các số	- Cố định, ổn định khớp vai. Vải cotton, vải không dệt, vải có lỗ thoáng khí. Khóa Velcro.	cái	500
456	SP456	N07.06.050	Đai xương đòn các số	- Chất liệu vải cotton, mút xốp, khóa Velcro các số	cái	600
457	SP457	N07.06.050	Nẹp cánh cẳng tay (phải, trái) các số	- Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí. - Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 45-65cm.	cái	140
458	SP458	N07.06.050	Nẹp cẳng tay các số	- Chất liệu vải dệt kim, vải có lỗ thoáng khí. - Băng nhám dính (khóa Velcro), nẹp hợp kim nhôm, dài 18-25cm.	cái	600
459	SP459	N07.06.050	Nẹp đùi	- Chất liệu vải mút dệt kim ngoại nhập, vải lưới thể thao cao cấp, thanh định vị bằng nhôm lớn, có thể uốn cong theo chiều cong sinh lý của cẳng chân, hệ thống dán xé.	cái	400
460	SP460	N07.06.050	Nẹp lưng các số	- Gồm thanh nẹp hợp kim nhôm. Băng nhám dính (khóa Velcro), vải mút mềm, thun đàn hồi.	cái	470
461	SP461	N07.06.050	Nẹp đùi bàn chân chống xoay dài	- Chất liệu vải cotton, vải có lỗ thoáng khí, vải tricot. Khóa velcro, nẹp hợp kim nhôm, hệ thống dán xé, chiều cao của nẹp từ 65cm-75cm	cái	500
462	SP462	N07.06.050	Nẹp cổ cứng	- Cố định đốt sống cổ. Chất liệu 2 mảnh mút EVA, khóa Velcro, hệ thống dán xé.	cái	300
463	SP463	N04.02.010	Bộ rửa dạ dày lớn	- Size lớn - 28mm	Bộ	600
464	SP464		Vòng đeo tay bệnh nhân	- Chất liệu: PVC Đặc điểm: màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu hồng, màu xanh dương - Trên vòng có đục lỗ để điều chỉnh theo kích cỡ tay người đeo. Nút bấm gài là loại không tháo được (gài chết). - Vòng có chỗ ghi thông tin đủ rộng, in sẵn các thông tin: Tên, tuổi, giới tính... - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, ISO 9001 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	110.000
465	SP465		Giấy điện tim 6 cần	- Dùng cho máy điện tim 6 cần, dạng xấp, kích thước: 110mm x 140mm x 143sheet (có sọc đỏ). - Phù hợp các máy Nihon Koden, Fukuda... - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE, FDA (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Xấp	2.400
466	SP466		Tấm trải nylon các cỡ	- Kích thước: 1.3m x 2m. - Chất liệu màng nhựa PE, màu trắng sữa. - Dày 0.06mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	15.000
467	SP467	N03.03.070	Kim gậy tê nha khoa	- Mũi kim sắt bén. - Kim bằng thép không gỉ. - Được đóng gói riêng biệt từng cái. - Cỡ kim 27G (0.40 x 21mm). - Tiệt trùng.	cái	10.000
468	SP468	N04.03.090	Sâu máy thở	- Ống nối co giãn vật liệu PE (polyethylene) dài 15cm. - Co nối xoay kép, xoay 360 độ, có công hút dịch và lấy mẫu khí có nắp đậy kép. - Đầu nối đặt nội khí quản 15F/22M. - Đầu nối dây thở 22F - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	1.200
469	SP469	N07.06.040	Vít cố định mini, khoan trước, dài 10mm	- Chất liệu: Titanium, loại khoan mũi. - Vít Mini, đường kính 2.0mm, dài 10mm.	cái	1.600
470	SP470	N07.06.040	Vít cố định mini, khoan trước, dài 8mm	- Chất liệu: Titanium, loại khoan mũi. - Vít Mini, đường kính 2.0mm, dài 8mm.	cái	2.400
471	SP471	N07.06.050	Nẹp mini thẳng 20 lỗ	- Chất liệu: Titanium Grade 2, 3. - Nẹp 20 lỗ, dài 109mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. - Nẹp dày 0.8, 1.0mm.	cái	600

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
472	SP472	N08.00.330	Mũi khoan chính hình ODB	- Có đánh dấu màu phân biệt Tương thích với vít 2.0. - Dài 72mm, đường kính 1.6mm, chiều dài làm việc 22mm.	cái	180
473	SP473	N02.02.020	Băng keo lụa 5cm x 5m	- Vải lụa Taffeta trắng, 100% sợi cellulose acetate, số sợi 44x19,5 sợi/cm, trọng lượng 80 g/m2. Keo Zinc oxide không dùng dung môi phù đều, trọng lượng của khối phủ 50-60 g/m2, lực dính 1,8-5,5 N/cm, có kiểm tra vi sinh.	cuộn	40.000
474	SP474	N02.03.040	Gạc lưới Lipido-colloid linh hoạt	- Gạc lưới Lipido-colloid (công nghệ TLC), lưới Polyester, Hydrocolloid và dầu Parefin, sáp dầu khoáng và các dẫn xuất Polymer, kích thước 10cm x 10cm.	miếng	8.000
475	SP475	N02.03.090	Gạc lưới Lipido-colloid tiếp xúc với lớp tẩm muối bạc	- Gạc lưới lipido-colloid (công nghệ TLC), lưới Polyester, Hydrocolloid, Có ion bạc , hàm lượng bạc sulfat: 0.50 +/- 0.12 mg/cm ² (0.38 - 0.62 mg/cm ²). Kích thước 10cm x 12cm	miếng	1.400
476	SP476	N02.04.010	Dung dịch xịt phòng ngừa loét do ti đề	- Dung dịch xịt ngoài dùng phòng ngừa loét do ti đề, gồm các thành phần acid béo (dầu ngô 99%) bao gồm Acid Linoleic 60% , tocopherol , Vitamin E và hương hoa hồi tự nhiên (1%).	chai	700
477	SP477	N02.01.020	Băng thun có keo cố định khớp 10cm x 4.5m	- Băng thun màu trắng, cotton 100%, trọng lượng 140+/-7g/m2, co giãn ≥ 90%, keo Zinc oxide không dùng dung môi, trọng lượng khối phủ 100-130g/m2, lực dính 2-9 N/cm., có kiểm tra vi sinh.	cuộn	1.400
478	SP478	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao.	- Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, pH=7, Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Can 5L -Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA).- Diệt khuẩn EN 14561, Diệt nấm EN 14562, Diệt vi khuẩn lao EN 14563, Diệt virus EN 17111 và Diệt bào tử trong 30 phút theo EN 17126 -Tương thích với ống nội soi hãng Olympus... -Tiêu chuẩn chất lượng: CE, ISO 13485, ISO 9001 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Can	500
479	SP479	N01.02.050	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ, hỗn hợp 5 enzyme.	- Hỗn hợp 5 enzyme Protease, Lipase, Amylase, Mannanase, Cellulase, - Nồng độ sử dụng: từ 0.1% (máy rửa) - pH = 6.89-7.29 - Thời gian: từ 5 phút. Can 5L - Đạt tiêu chuẩn ISO 11930 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Can	60
480	SP480	N01.02.030	Didecylmethyl ammonium chloride + Chlorhexidine digluconate	- Thành phần: ≥ 6,5% Didecylmethyl ammonium chloride + ≥ 0,074% Chlorhexidine digluconate, chất hoạt động bề mặt non-ionic. Nồng độ sử dụng ≤ 0.5% (25ml trong 5 lít nước) pH = 6.6 - 7.6.- Diệt khuẩn EN 14561, Diệt nấm EN 14562, Diệt vi khuẩn lao EN 14563, Diệt virus HIV-1, HBV, HCV, HSV và Diệt virus Vacinia EN 17111 - Thời gian tiếp xúc: từ 5 phút. Can 5L - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 15883, ISO 9001 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Can	140
481	SP481	N03.06.050	Găng tay phẫu thuật	- Găng tay phẫu thuật tiệt trùng. Chiều dài (min): 280 mm. - Chiều dày 1 lớp (min): 0,15±0,03 mm. - Chiều rộng: số 6.5: 83±5mm; số 7.0: 89±5mm; số 7.5: 95±5mm; số 8.0: 102±5mm. - Cường lực kéo đứt: trước giả hóa ≥ 12.5N; sau giả hóa ≥ 9.5N. - Độ đàn hồi: trước giả hóa ≥ 700%, sau giả hóa ≥ 550%.	Đôi	200.000
482	SP482	N03.06.030	Găng tay khám có bột các cỡ	- Găng khám có bột. -Chiều dài: min 240mm. -Chiều dày 1 lớp (min): 0,08mm. - Chiều rộng: size XS ≤ 80mm; size S: 89±5mm; size M: 95±5mm; size L: 110±5mm. - Cường lực kéo đứt: Trước giả hóa: ≥ 7N, sau giả hóa: ≥ 6N. - Độ đàn hồi : Trước giả hóa: ≥ 650%, sau giả hóa: ≥ 500%.	Đôi	1.300.000

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
483	SP483	N03.06.030	Găng tay cao su y tế khám bệnh không bột các size	- Loại găng tay y tế nitrile không tiết trùng, không bột, . Các cỡ size S, M, L, XL . - Dài 240mm, Sức căng kéo dài trước lão hóa ≥ 18 Mpa, sau lão hóa ≥ 16 Mpa, độ giãn dài trước lão hóa từ $\geq 500\%$, độ giãn dài sau lão hóa $\geq 400\%$.	Đôi	4.000
484	SP484	N07.06.050	Nẹp chống xoay ngón	- Nẹp chống xoay ngón	cái	140
485	SP485	N07.06.050	Nẹp Iselin	- Nẹp Iselin (hoặc tương đương)	cái	670
486	SP486	N04.04.010	Catheter 2 nòng dùng cho tĩnh mạch đùi	- Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng không chứa DEHP; dài 20 cm, thể tích mỗi 1.4 ml, chất liệu polyurethan, có dây nối đo ECG; có chất cản quang, có ống dẫn đường (đường kính 0.89 mm x dài 50cm), kim 18G có van (1.3mm), ống nong 12F, có dây dẫn nối máy điện tim, có dao mổ, xylanh 5ml - Tốc độ máu (ml/ phút): nòng xa ≥ 200 nòng gần ≥ 240 . - Tiêu chuẩn chất lượng TUV, EC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	500
487	SP487		Bộ lọc khuẩn MicroGard (Màu trắng)	Bộ lọc khuẩn MicroGard màu trắng	cái	2.760
488	SP488		Bộ lọc khuẩn KOKO (Màu xanh)	- Filter Efficiency: 99.99% - Resistance: 15 Pa at 30L/min - ID: 45.5mm OD: 48.0mm - Size: Adult	cái	460
489	SP489		Điện cực đất	- Disposable Ground Plate Electrode 1.0m (39") lead (1.5mm DIN), 1/pouch	cái	5
490	SP490		Nón điện não vi tính	- Người lớn	cái	3
491	SP491		Lưỡi dao bào mô thẳng, 4mm, dài 12cm	- Lưỡi dao bào mô thẳng, 4mm, dài 12cm	cái	2
492	SP492		Lưỡi dao bào mô cong, lưỡi cắt mở vào trong (trước), 4mm, dài 12cm	- Lưỡi dao bào mô cong, lưỡi cắt mở vào trong (trước), 4mm, dài 12cm	cái	2
493	SP493		Lưỡi dao bào mô cong, lưỡi cắt mở ra ngoài (sau), 4mm, dài 12cm	- Lưỡi dao bào mô cong, lưỡi cắt mở ra ngoài (sau), 4mm, dài 12cm	cái	2
494	SP494		Ống thông khí tai (Diabolo) đường kính 1.14mm	- Ống thông khí tai (Diabolo) đường kính 1.14mm	cái	29
495	SP495	N02.04.010	Dung dịch ngăn ngừa tổn thương da	- Dung dịch dùng ngoài dạng xịt ' - Thành phần chứa Hexamethyldisiloxane 65 - 90%, Isooctane 5 - 15%, Acrylate Terpolymer 3 - 10%, Polyphenylmethylsiloxane Copolymer 0.1 - 5%, trong suốt, vô trùng. - Không chứa cồn. Chai: 20ml	Chai	120
496	SP496		Kem ngăn ngừa tổn thương da	- Dung dịch dùng ngoài dạng bôi. - Thành phần chứa Dimethicone, polymer. Không chứa dầu thơm và paraben. - Tạo lớp phủ bảo vệ, màng film mềm dẻo, chịu được 3-4 lần rửa nước. - Tuýp 92g	Tuýp	120
497	SP497		Canxi hydroxit (bột)	- Canxi hydroxit (bột). - Lọ 12g.	Lọ	6
498	SP498	N07.06.040	Vít cố định mini, khoan trước dài 6mm	- Chất liệu: Titanium, loại khoan môi. - Vít Mini, đường kính 2.0mm, dài 6 mm.	cái	120
499	SP499		Trâm máy nội nha các cỡ	- Trâm máy nội nha các cỡ.	cái	240

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
500	SP500		Bôi trơn ống tủy	- Thành phần: Ethylene Diamine Tetra Acetic acid và urea peroxide dưới dạng gel. - Tuýp 3g	Tuýp	67
501	SP501	N02.04.050	Sáp cầm máu xương	- Miếng sáp cầm máu xương 2.5 gram. Đóng gói tiệt trùng bằng tia gama từng miếng. - Thành phần: Sáp ong trắng (85%), Isopropyl Palmitate (15%).	miếng	200
502	SP502	N04.01.030	Ống nội phế quản (nội khí quản 2 nòng)	- Ống nội phế quản (nội khí quản 2 nòng) trái/phải các cỡ.	Bộ	13
503	SP503		Khẩu trang y tế 3 lớp đã tiệt trùng	- Khẩu trang y tế 3 lớp - Cấu hình: + Lớp ngoài: vải không dệt; + Lớp giữa: vải lọc kháng khuẩn (98%); + Lớp trong: vải không dệt PP; + Dây đeo: dây thun; + Thanh nẹp mũi: nhựa.	cái	400.000
504	SP504	N04.01.090	Foley silicone 3 nhánh	- Foley 3 nhánh silicone, cỡ 24Fr	cái	40
505	SP505		Bao trùm thiết bị y tế	- Bao nylon kính hiển vi. - Tiệt trùng dùng một lần. - Kích thước: 80 x 170 cm.	cái	67
506	SP506		Bao trùm thiết bị y tế	- Bao nylon kính hiển vi. Tiệt trùng dùng một lần. Kích thước: 150 x 170 cm.	cái	67
507	SP507		Bộ đo huyết áp cơ	- Bộ đo huyết áp đo tay	Bộ	12
508	SP508		Đồng hồ ôxy tường	- Đồng hồ ôxy tường	Bộ	58
509	SP509		Bình làm ấm ôxy	- Bình làm ấm ôxy	Cái	58
510	SP510		Mâm tiêm thuốc Inox Kích thước 30 cm x 40 cm	- Mâm tiêm thuốc Inox Kích thước 30 cm x 40 cm	Cái	23
511	SP511		Xe tiêm đa năng	- Xe tiêm đa năng	Cái	38
512	SP512		Kèm gấp dị vật phế quản	- Kèm gấp dị vật phế quản	Cái	3
513	SP513		Kèm sinh thiết phế quản	- Kèm sinh thiết phế quản	Cái	3
514	SP514	N01.02.030	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao Glutaraldehyde 2-2,4%	- Thành phần: 2% Glutaraldehyde không cần hoạt hóa, pH=6 - Khử khuẩn mức độ cao: 10 phút.- Diệt khuẩn EN 14561, Diệt nấm EN 14562, Diệt vi khuẩn lao EN 14563, Diệt virus EN 17111 và Diệt bào tử trong 120 phút theo EN 17126 - Đạt tiêu chuẩn EN 14561, EN 14562, EN 14563, EN 17126 , EN 17111 - Tái sử dụng trong 30 ngày (tặng kèm test thử). - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485, ISO 9001. Can 5 lít	Can	173
515	SP515		Mỏ vít nhựa	- Mỏ vít nhựa	cái	600
516	SP516		Keo dán da	- Keo dán da 0.5ml, dán Mesh nội soi N - butyl - 2 - cyano acrylat. - Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	Lọ	6



STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
517	SP517	N02.03.100	Miếng dán sát khuẩn 10x12cm, gel CHG 2% 3x4cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chlohexidine Gloconate 2% - Dạng Gel pad. - Có lớp film Polyurethane trong suốt. - Đường kính 27nm hoặc lớn hơn (HIV-1 và HBV). - Nền keo Acrylate, Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch. Lưu 7 ngày. - Chất liệu/ thành phần : Gel CHG kháng khuẩn : 35 - 45%. Giấy lót phủ Silicon : 12 - 22%. Viên Polypropylene: 15 - 25%. Vải không dệt: 3 - 8%. Film Polyurethane : 3 - 8%. Keo Acrylate : 5 - 15%. - Kích thước: 10x12cm, gel CHG 2% 3x4cm (hoặc tương đương). - Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Miếng	1.400
518	SP518	N02.01.070	Băng dính trong suốt cố định kim luồn chống thấm nước 6cm x 8cm	<ul style="list-style-type: none"> - Băng dính trong suốt, vô trùng, chống thấm nước bằng Polyurethane, có khung viền giấy, chất kết dính Polyacrylic. - Có rãnh xẻ sâu phù hợp các loại kim luồn, có nhãn ghi chú ngày, giờ dán băng. - Không chứa cao su, ngăn cản vi khuẩn, vi rút có kích thước >27nm. - Kích thước: 6cm - 6.5cm x 7.5cm - 8cm. - Thời gian lưu: 7 ngày. - Tiệt trùng: từng miếng. 	Miếng	19.000
519	SP519	N08.00.230	Bộ đo huyết áp xâm lấn loại 1 đường	<ul style="list-style-type: none"> Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường: - Bộ bao gồm: 1 cảm biến đo huyết áp xâm lấn dùng 1 lần, 1 dây truyền dịch, 1 dây nối với khóa 3 ngã (chiều dài L = 20cm), 1 dây đo huyết áp (chiều dài L=100cm), 2 khóa 3 ngã. 1 sticker dán phân biệt loại áp huyết được đo. - Chất liệu: Nhựa PC, Silicone, ABS, PVC, PU. - Trở kháng đầu vào của Transducer: 300Ω ~ 400Ω; - Trở kháng đầu ra của Transducer: 250Ω ~ 350Ω; - Ngưỡng áp lực quá tải có thể chịu được: -400 mmHg ~ +6462,5 mmHg. - Áp suất đầu vào: -30mmHg ~ 300mmHg - Tiệt trùng. - Thời gian sử dụng: 72 giờ. 	Bộ	600
520	SP520	N07.02.060	Quả lọc máu liên tục	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ dây và quả lọc máu liên tục diện tích 1,6 m2 dùng cho máy OMNI: bao gồm quả lọc, dây dẫn và túi xả. 	Quả	40
521	SP521	N02.04.040	Miếng cầm máu mũi 8cm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu PVA (Polyvinylal Alcohol) tương thích sinh học, xốp (bọt biển) có thể nở rộng . + Mềm mại, thoải mái và phù hợp sử dụng. + Vô trùng và đóng gói chân không. + Có khả năng hấp thụ từ 13 - 25 lần trọng lượng của chính nó. Khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc. + Kích thước 8 x 1.5 x 2cm 	miếng	100

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
522	SP522	N07.02.060	Bộ quả lọc máu liên tục kèm dây máu dùng cho người lớn	<ul style="list-style-type: none"> - Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> - Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng. Thông số kỹ thuật của quả lọc: <ul style="list-style-type: none"> - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml - Diện tích màng hiệu dụng: 0,9m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút - Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): 66 ml $\pm 10\%$ - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg 	Quả	170
523	SP523	N07.02.060	Quả lọc máu liên tục	<ul style="list-style-type: none"> - Quả lọc máu liên tục có gắn Heparin kèm bộ dây dẫn có 3 chức năng: loại bỏ Cytokine, loại bỏ nội độc tố, lọc máu liên tục (loại bỏ dịch và độc tố Urê huyết) Chất liệu: <ul style="list-style-type: none"> - Màng lọc cấu tạo 3 lớp: <ul style="list-style-type: none"> + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer) + Polyethylenimine (PEI) + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin (4500+/-1500 IU/m²) - Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate - Vách đầu quả lọc: Polyurethane - Ống dẫn: PVC - Cartridge: PETG Tiệt trùng. Thông số kỹ thuật của quả lọc <ul style="list-style-type: none"> - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60 - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6 - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193 ml - Diện tích màng: 1,5m² - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): 240μm - Độ dày thành sợi lọc: 50μm - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút - Cân nặng bệnh nhân tối thiểu: 30 kg 	Quả	200
524	SP524	N07.02.040	Bộ dây và màng lọc tách huyết tương	<ul style="list-style-type: none"> Bộ dây tách huyết tương gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Dây động mạch; - Dây tĩnh mạch; - Dây dẫn dịch thải kèm công lấy mẫu; - Dây dẫn dịch thay thế kèm túi làm ấm; - Túi đựng dịch thải 7 lít; - Filter bảo vệ các công áp lực; - Quả lọc tách huyết tương 0,5m². - Tương thích với máy OMNI. - Tiêu chuẩn: ISO13485/CE (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương). 	Bộ	30

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T-T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
525	SP525	N07.02.050	Quả lọc hấp phụ HA230 hạt Resin điều trị ngộ độc	<p>Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bản chất là Styrendivinyll Benzen Copolymer được xử lý bằng công nghệ Crosslinking kép nên có tính tương đồng sinh học cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể tích hấp phụ: 230ml - Thể tích khoang máu :145ml - Diện tích hấp phụ: 70.000m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Dải hấp phụ: 500-10kDa - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: <ul style="list-style-type: none"> + Paraquat: 80.4% + Pentobarbital: 92.9% + Dichlorvos: 51.5% + Antipsychotic: 87.9% 	Bộ	15
526	SP526	N07.02.050	Quả lọc hấp phụ Cytokin HA330 điều trị bệnh lý hồi sức	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu vỏ: Polycarbonate (PC) - Vật liệu hấp phụ: các hạt Resin bản chất là Styrendivinyll Benzen Copolymer được xử lý bằng công nghệ Crosslinking kép hạt màu nâu nên có tính tương đồng sinh học cao. - Thể tích hấp phụ: 330ml - Thể tích khoang máu :185ml - Diện tích hấp phụ: 104.000m² - Nội trở: ≤ 4kPa - Lưu lượng máu tối đa: 250ml/ phút - Áp suất chịu đựng: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Dải hấp phụ: 10-60kDa - Tỷ lệ hấp phụ tính sau 2h trên invivo: <ul style="list-style-type: none"> + Endotoxin: 36.7% ~ 52.5% + TNF: 31.1%~71.2% + IL-1β: 35% 	Bộ	15
527	SP527		Compsite lỏng	<ul style="list-style-type: none"> - Compsite lỏng quang trùng hợp, độ nhớt và cân quang cao giúp kết dính tốt với thành xoang trám - Màu A3, A3.5. - Tuýp 2g. 	Tuýp	20
528	SP528		Kềm bấm xương nha khoa	<ul style="list-style-type: none"> - Kềm bấm xương. - Kích thước: size 152 mm. 	Cái	12
529	SP529		Cây dũa xương	<ul style="list-style-type: none"> - Cây dũa xương (02 đầu thẳng) - Kích thước: Dài: 30 cm 	Cái	12
530	SP530		Nạy Root tip số 3	<ul style="list-style-type: none"> - Dụng cụ nạy chân răng Heidbrink - 3 bộ (P), (T), thẳng Kohler 6749, 6750, 6760 	Cái	12
531	SP531		Đèn trám thẩm mỹ	<ul style="list-style-type: none"> - Đèn trám thẩm mỹ. 	Cái	3
532	SP532		Máy định vị chóp răng	<ul style="list-style-type: none"> - Máy định vị chóp răng. 	Cái	2

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
533	SP533		Mũi đánh bóng Composite	- Mũi đánh bóng Composite dùng để đánh bóng bề mặt men răng và các phục hồi, tái tạo nét thẩm mỹ và chức năng cho răng - Hình dạng: màu vàng, hình nụ	Cái	120
534	SP534		Đai nhựa Xenuloze 10 x 1 cm	- Dùng tách kẽ răng xenuloze. - Độ dày: 0.002. - Kích thước: 10 x 1 (cm).	Cái	1.300
535	SP535		Ống hút nước bọt nha khoa	- Chất liệu: nhựa PVC. - Kích thước: ống Ø6,5 mm - chiều dài 140 mm. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO 13485, ISO 9001 (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	2.400
536	SP536		Chêm gỗ nha khoa	- Dụng cụ chỉnh nha - Chêm gỗ nha khoa dùng khi trám xoang II, hỗ trợ tái tạo tiếp xúc bên và gai nướu hài hòa	cái	600
537	SP537		Mũi Gate Glidden Mani số 1-6 dài 32mm	- Mũi Gate Glidde - Số 1, 2,3,4,5,6, dài 32mm	cái	173
538	SP538		Sáp cầm máu xương	- 80% Sáp ong và 20% isopropyl palmitate	miếng	270
539	SP539		Bộ kit dây thở tích hợp cảm biến nhiệt độ và bình làm ấm có phao, tự động cân chỉnh mức nước	A.BÌNH LÀM ẤM - Thể tích 280ml - Có phao giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép B.DÂY THỞ - Tốc độ dòng: 2 - 60 L/phút - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh. - Kết nối chuẩn với máy thở dòng cao Airvo 2 - Đạt chứng nhận: FDA, ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	200
540	SP540		Bộ kit dây thở tích hợp cảm biến nhiệt độ và bình làm ấm có phao, tự động cân chỉnh mức nước, kèm bộ co nối có thể phun khí dung	Cấu hình: A.BÌNH LÀM ẤM - Thể tích 280ml - Có phao giúp tự động dừng dòng chảy đảm bảo lượng nước không quá mức cho phép B.DÂY THỞ - Tốc độ dòng: 2 - 60 L/phút. - Có cảm biến đo nhiệt độ cuối dây thở - Có cổng gắn đầu phun khí dung, có nắp đậy bằng silicone, tương thích với đầu phun khí dung của hãng Aerogen - Có kẹp giúp cố định dây thở trên áo người bệnh. - Kết nối chuẩn với máy thở dòng cao Airvo 2 - Đạt chứng nhận: FDA, ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	67
541	SP541	N04.01.010	Cannula (gọng mũi) dùng cho thở HFNC	- Các kích cỡ có mã màu: S (cam)/M (xanh)/ L (xanh lá). - Có kẹp cố định dây cannula với dây cố định quanh đầu - Hai miếng đệm má mềm, cố định gọng mũi tại chỗ và giảm áp lực tỉ đè - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo 2 - Gọng mũi thiết kế phù hợp giải phẫu của mũi - Dây cố định quanh đầu có thể điều chỉnh độ dài - Đạt chứng nhận: FDA, ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	133



STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
542	SP542	N04.01.010	Cannula (gọng mũi) bất đối xứng dùng cho thở HFNC	- Tốc độ dòng: size S 10-50 l/phút, size M và size L 10-60 l/phút. Các kích cỡ . - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo2 - Đạt tiêu chuẩn FDA 510(k) - Mỹ, ISO 13485, CE, FSC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	133
543	SP543		Bộ kết nối trực tiếp mở khí quản	- Kết nối chuẩn với đầu lỗ mở khí quản. - Lưu lượng 10-60 l/ phút. - Có nắp chống bắn đờm ra ngoài. - Cổng kết nối mở khí quản 15 mm. - Có dây đeo qua cổ. - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo 2 (F&P). - Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485, CE, FSC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	133
544	SP544	N04.01.010	Cannula hỗ trợ qua mask	- Cổng kết nối 22m kết nối với mặt nạ thở. - Kết nối chuẩn với bộ dây thở AirSpiral máy Airvo 2 (F&P). - Đạt tiêu chuẩn FDA 510(k) - Mỹ, ISO 13485, CE, FSC.	cái	133
545	SP545	N08.00.340	Lọc không khí cho máy HFNC	- Thiết bị tương thích: thiết bị thở HFNC Airvo2 (F&P). - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, FSC (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	27
546	SP546		Đầu phun khí dung màng rung dao động bằng điện, dùng nhiều lần	- Đầu phun sử dụng cho nhiều bệnh nhân. - Sử dụng tương thích máy khí dung Aerogen - Đạt chứng nhận: ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	27
547	SP547		Co nối chữ T	- Co chữ T loại dùng 1 lần cho máy phun khí dung. - Loại người lớn. - Sử dụng tương thích đầu phun khí dung Aerogen - Đạt chứng nhận: ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	27
548	SP548		Bộ nối thở khí dung cho bệnh nhân tự thở	- Điều trị được 20 lần ngắt quãng (4 liều 3 mL mỗi ngày trong vòng 05 ngày) hoặc liên tục được 03 tiếng. - Có thể dùng cùng hoặc không cùng với O2. - Dùng thông qua co ngậm hoặc mặt nạ thở. - Đạt chứng nhận: ISO, CE, CFS (hoặc các tiêu chuẩn chất lượng tương đương).	cái	27
549	SP549		Sáp Parafin	- Sáp Parafin dạng miếng	Kg	400
550	SP550	N07.03.040	Dung dịch nhầy 1,5ml	- Dịch nhầy Sodium Hyaluronate 1.8%: Trọng lượng phân tử: 2.9-3.8 million daltons, Độ nhớt: 450.000-750.000 mPa.s, Độ thẩm thấu: 270-400 mOsm/kg, Độ Ph: 6.8-7.6, Sodium hyaluronate: 18 mg, Sodium Chloride: 8.5 mg, Disodium Hydrogen Phosphate : 0.563 mg, Sodium dihydrogen phosphate: 0.045 mg, Nước pha tiêm vừa đủ,	ống	533
551	SP551	N04.04.010	Ống thông niệu quản	- 01 cái/gói - Các cỡ: 6Fr, 7Fr, - Chiều dài 70cm - 1 đầu có gắn luer (để bơm nước/ hóa chất) - Chất liệu: Polyurethane - Tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO13485 (Hoặc các tiêu chuẩn tương đương).	Cái	40

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
552	SP552	N07.01.270	Guide Wire sợi vàng	- 01 cái/gói; bao gồm : + dây dẫn: 01 cái + dụng cụ đẩy: 01 cái + Ống định vị dẫn đường: 01 Cái - Cỡ: 0.032" và 0,035" , dài 150cm - Có dụng cụ đẩy, có định vị dẫn đường - Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm, có phủ lớp hydrophilic, vô vẩn. Đầu tip chứa Vonfram giúp nâng cao hình ảnh dưới nội soi huỳnh quang - Tiêu chuẩn chất lượng FDA và ISO13485 (Hoặc các tiêu chuẩn tương đương).	Cái	20
553	SP553		Khăn ướt làm sạch và khử trùng bề mặt không chứa cồn	- Khăn giấy khử trùng sử dụng cho bề mặt nhạy cảm với cồn, sử dụng để làm sạch và khử trùng bề mặt của các thiết bị y tế nhạy cảm với cồn, không thích hợp để tiếp xúc với chất lỏng, dựa trên sự kết hợp polyhexanide và amoni bạc bốn. Không chứa Aldehyde và phenol. Hiệu quả trong 60 giây. Thành phần: 100 g giải pháp ngâm tẩm chứa: 0.25 g Poly (Hexamethylene Biguanide) Hydrochloride, 0.25g hợp chất amoni bạc bốn và tá dược. Kích thước khăn: 15cm x 24cm. Quy cách: 100 khăn/ hộp. Diệt khuẩn và nấm, vi rút trong vòng 01 phút. -Đạt EN16615, EN14476, ISO, MDR (CE). (Hoặc các tiêu chuẩn tương đương)	Hộp	400
554	SP554	N01.02.040	Dung dịch phun sương khử khuẩn dạng sương mù khô	Thành phần: - Hydrogen peroxide (H2O2) ổn định trong dung dịch 6% (60ml/l). Hợp chất Bạc 17 ppm - C11-15 Secondary Ethoxylated 0,08%. - Nồng độ phun: 1ml/m3. Phổ diệt khuẩn: diệt nấm, diệt vi rút, diệt nấm men, diệt lao, bào tử, diệt vi khuẩn... (Escherichia coli, Enterococcus hirae, Staphylococcus aureus, Pseudomonas Aeruginosa, Candida Albican, Aspergillus brasiliensis, Bacillus Subtilis, Clstridium Difficile, Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium, Phage P001, Phage P008, Adenovirus, Murine norovirus). Quy cách: Chai 2 lít. - Đạt tiêu chuẩn ISO, EN 17272 (Hoặc các tiêu chuẩn tương đương).	Chai	100
555	SP555		Bao chi gối dùng cho máy chống thuyên tắc huyết khối	-Bao chi gối trong phòng ngừa thuyên tắc huyết khối tĩnh mạch - Bằng vải không dệt cỡ khoảng 48 cm / 19", không có chất cao su, không kích ứng da, có tấm lót hơi không đối xứng với ống nổi hơi đơn (1 ống) quấn từ mắt cá chân lên bắp chân - Áp lực nén trong thời gian dưới 0.5 giây. - Cho mượn máy để sử dụng khi trúng thầu. - Tạo áp lực (73- 63-45) mmHg, thời gian giữ 6 giây - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/ CE/FDA (Hoặc các tiêu chuẩn tương đương)	Đôi	100
556	SP556		Bộ cảm biến lưu lượng máy thở	Bộ cảm biến lưu lượng máy thở dùng 1 lần Tương thích với máy thở Hamilton	cái	20
557	SP557		Bộ hút dịch	Bộ hút dịch dùng cho hệ thống hút dịch âm tường chuẩn nối AFNO Thiết bị đo được gắn sẵn trong bộ điều chỉnh. Kiểm soát việc hút Đồng hồ hiển thị bằng kim (đồng hồ đo áp suất). Kiểm soát chân không liên tục. Núm kiểm soát dễ dàng cài đặt. Kèm 01 bình hút dịch	cái	20
558	SP558		Bình hút dịch	Bình hút 2000ml (có nắp) - Bình hút 2000ml, có nắp chụp áp suất bằng plastic có khớp và giá gắn tường.	cái	30

STT	Mã vật tư	Mã số theo nhóm TT04/2017/T T-BYT	Danh mục hàng hoá	Tiêu chuẩn kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
559	SP559		Tạp dề bảo vệ tia X	Tạp dề một mảnh bảo vệ mặt trước và sau. Có thất lưng bằng rộng 6 inches giúp phân bố trọng lượng nhẹ nhàng hơn. Tạp dề một mảnh giúp cho việc quản lý, cất giữ và sử dụng dễ dàng hơn. Chất liệu tổng hợp nhẹ, bản thiết kế đầy đủ. Chất liệu: Antimony và tungsten (hoặc tương đương) không chứa chì trọng lượng siêu nhẹ.	cái	5
560	SP560		Tấm chắn tuyến giáp	Giáp cổ bảo vệ tuyến giáp, độ dày 0.5mm. Thiết kế yếm rộng tăng diện bảo vệ tuyến giáp và cả vùng cổ. Chất liệu lõi bảo vệ: Hợp chất Antimony.	cái	5
561	SP561		Mũ bảo vệ bức xạ	Nón chì chắn tia X. Độ dày bảo vệ 0.35mm. Chất liệu : Antimony (hoặc tương đương) .	cái	5
562	SP562		Bộ áo chì chống tia X	.Chất liệu: Antimony và Bismuth hạt siêu nhỏ (hoặc tương đương) . Không chứa chì, siêu nhẹ. .Công nghệ dệt trọng lượng nhẹ được phủ 1 lớp PU tăng khả năng chống tia cực tím, mang lại cảm giác mềm mại và bền bỉ. . Công nghệ hấp thụ, lưu trữ và giải phóng nhiệt dư thừa, cân bằng nhiệt. . Kháng ẩm cao. . Áo được mặc từ phía trước dễ dàng và có sẵn túi tiện dụng. . Áo có độ dài vừa đủ để chõng lên phần váy đảm bảo che chắn phóng xạ khi cúi người về phía trước. . Cầu vai chống trượt giúp giảm tải sức nặng và phân bố lực cân bằng. . Các khóa đai bản rộng, dễ dàng tăng chỉnh. . Áo sử dụng miếng dán 4 inch. . Váy sử dụng khóa gài có thể điều chỉnh giúp ôm sát người mặc. . Phù hợp cho: cathlab, X-quang, can thiệp tim mạch, tiết niệu. . Độ dày: phía trước 0.50mm Pb, phía sau: 0.25mm Pb . Nhiều tùy chọn phối màu, kích cỡ (S - XL). Cấu hình: Bộ áo Skirt & Vest, Nón chì, Yếm chì, Mắt kính, Tấm bảo vệ chân	Bộ	2
563	SP563		Bàn chải vệ sinh răng miệng bằng bọt biển	Đầu cọ có cấu tạo 100% Urethane, đường kính 20mm, chiều dài 20mm, Thanh cầm bằng nhựa dài 150mm, Đóng gói từng cái	cái	6.000
Tổng cộng: 563 mặt hàng						